

TƯ LIỆU

“VIỆT NAM TRUYỆN” TRONG THANH SỬ CẢO

Cao Tụ Thanh dịch*

Lời người dịch

Thanh sử cảo là bản thảo chưa hoàn chỉnh những ghi chép về lịch sử thời Thanh do Thanh Sử Quán thành lập đầu thời Dân quốc biên soạn. Nó căn cứ theo thể lệ “chính sử” thời phong kiến, cũng chia thành bốn phần kỷ, chí, biểu, truyện, tổng cộng 536 quyển.

Thanh Sử Quán do Triệu Nhĩ Tôn làm Quán trưởng, trước sau có hơn 200 người tham gia biên soạn, bắt đầu làm việc từ 1914, đến 1927 thì hoàn thành bản thảo, trải qua 14 năm. Tuy sách này hoàn thành sau Cách mạng Tân Hợi, nhưng những người biên soạn vẫn đứng trên lập trường của triều Thanh để viết sử nhà Thanh. Vì do nhiều người viết chung, đối chiếu chưa hết, sau khi bản thảo hoàn thành lại chưa từng khảo đính chi tiết, lúc in ấn hiệu đính so sánh cũng không cẩn thận, vì thế quy cách không thống nhất, chỗ chi tiết chỗ đại lược không tương xứng, tới nổi năm tháng, sự kiện, nhân danh, địa danh sai lầm nhan nhản. Người biên soạn cũng hiểu rõ những khiếm khuyết, nên đã chỉ ra trong lời Phát san chuyết ngôn, sách này chỉ là bản thảo lịch sử in ra, “đại thể chỉ là mở đường đi trước, chứ hoàn toàn không coi là sách đã hoàn chỉnh”. Sách này in ra lần đầu tiên năm 1928, do Viên Kim Khởi chủ trì, Kim Lương lo việc in ấn, in tất cả 1.100 bộ, trong đó có 400 bộ do Kim Lương chở lên vùng Đông Bắc Trung Quốc phát hành, số này được gọi là “Bản Quan ngoại in lần thứ nhất”. Về sau người trong Thanh Sử Quán phát hiện ra Kim Lương tự ý sửa đổi nội dung nguyên cáo, họ không đồng ý với sự thêm bớt ấy, vì thế sửa chữa in lại số sách còn lại ở Bắc Kinh, số này được gọi là “Bản Quan nội”. Sau khi Nhật Bản xâm lược chiếm đóng vùng Đông Bắc, sách này được in lần nữa năm 1934, bỏ đi 6 quyển Thời hiến chí và quyển Công chúa biểu - Tự, chỉ còn 529 quyển, đây là bản in vẫn được gọi là “Bản Quan ngoại in lần thứ hai”. Nhiều bản in ở Hương Cảng, Đài Loan, Nhật Bản trước và sau 1949 là theo ba bản này. Sau 1949 các nhà sử học Trung Quốc sử dụng cả ba bản này để hiệu đính sửa chữa, do Trung Hoa thư cục xuất bản lần đầu năm 1977. Bản dịch sau đây là dựa trên cơ sở bản Trung Hoa thư cục in lần thứ hai, Bắc Kinh, 2003.

Năm 1644, quân Thanh vào Sơn Hải quan, tiến chiếm Bắc Kinh, gây ra nhiều thay đổi không những trong lịch sử Trung Quốc mà còn trong cả lịch sử của nhiều quốc gia và dân tộc có quan hệ lâu đời với Trung Quốc, trong đó có Việt Nam.

* Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhưng từ năm này Việt Nam đã bị phân liệt thành hai tiểu quốc Đàng Trong - Đàng Ngoài, quan hệ với chính quyền Trung Quốc vì vậy có khác nhau trên hai địa bàn. Ở Đàng Trong hoạt động “đối ngoại nhân dân” lấn át hoạt động “đối ngoại chính phủ”, thậm chí chính quyền Đàng Trong còn có thể công nhiên tiếp nhận nhiều di sản phần Thanh phục Minh tới tỵ nạn chính trị. Ở Đàng Ngoài do mối liên hệ về địa lý - lãnh thổ nên sau khi nhà Thanh từng bước ổn định được bộ máy cai trị ở Trung Quốc, quan hệ giữa chính quyền Lê Trịnh với nhà Thanh cũng mau lẹ trở vào quỹ đạo truyền thống với hình thức phiên quốc - thiên triều đã được xác lập trước đó, cho nên trước khi Việt Nam thống nhất trở lại năm 1802, các lực lượng chính trị “chính thống” trên địa bàn này từ chính quyền Lê Trịnh của nhà Lê trung hưng tới chính quyền vong quốc của Lê Chiêu Thống rồi chính quyền Tây Sơn của Quang Trung trước sau đều nhận “sách phong” của nhà Thanh. Đây là điểm rất đáng lưu ý khi tham khảo tư liệu về Việt Nam trong sử sách Trung Quốc thời Thanh nói chung và trong *Thanh sử cảo* nói riêng, vì sau khi Việt Nam thống nhất trở lại năm 1802, những tư liệu về Việt Nam trong *Thanh sử cảo* mới có điều kiện để chính xác, toàn diện và thống nhất.

Ngoài những tư liệu rải rác trong phần Bản kỷ ghi chép về các vua nhà Thanh và trong phần Liệt truyện ghi chép về các nhân vật Trung Quốc có liên quan như Tôn Sĩ Nghị, Lưu Vĩnh Phúc..., phần lịch sử Việt Nam trong *Thanh sử cảo* được ghi chép tập trung trong quyển 527, Liệt truyện 374, Thuộc quốc 2, Việt Nam. Nguyên tác *Thanh sử cảo* ghi chép về Việt Nam đã có nhiều sai lạc, ấn bản nói trên cũng có thể có sai sót, tuy nhiên được biên soạn trên cơ sở những tư liệu trong văn khố hoàng gia triều Thanh, *Thanh sử cảo* cũng cung cấp một số tư liệu có ích cho việc tìm hiểu lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII - XIX.⁽¹⁾ Chính vì vậy nên chúng tôi giới thiệu bản dịch toàn văn phần này, với mong muốn nó có thể ít nhiều giúp ích cho những người quan tâm tới lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII - XIX.

“Việt Nam truyện” trong *Thanh sử cảo* đề cập tới hơn hai trăm năm lịch sử Việt Nam với nhiều hiện tượng, lãnh vực và quá trình không dễ bao quát, cần có thời gian và thư tịch, bản đồ... để tiếp tục tìm hiểu nên bản dịch chỉ mới có thể chú thích hay đính chính bước đầu. Các tài liệu được sử dụng để chú thích hay đính chính ở đây chủ yếu là thư tịch cổ Việt Nam như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên*, *Lịch triều hiến chương loại chí* (Bang giao chí) của Phan Huy Chú, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Nam thực lục tiền biên*, *Đại Nam thực lục chính biên*...

Một số văn kiện được chép nguyên văn như sắc văn của Thuận Trị ban cho Lê Thần Tông năm 1662, sách phong của Càn Long phong Quang Trung làm An Nam quốc vương năm 1789 có thêm phần phiên âm Việt Hán. Riêng bản sách phong của Càn Long trước đây đã có các bản dịch của Hồ Bạch Thảo, Nguyễn Quốc Khánh⁽²⁾

nhưng đều có những điểm chưa chính xác, nguyên bản chữ Hán mà Nguyễn Quốc Khánh giới thiệu cũng có chỗ xuất nhập, mặt khác tuy nguyên bản trong *Thanh sử cảo* chưa trọn vẹn về mặt văn bản học nhưng về nội dung thì đây là một văn kiện đặc biệt quan trọng, nên bản dịch giới thiệu thêm nguyên bản chữ Hán.

Bản dịch

VIỆT NAM TRUYỆN

Việt Nam trước gọi là An Nam. Đầu niên hiệu Thuận Trị, An Nam Đô thống sứ Mạc Kính Diệu tới quy phụ, chưa kịp trao tước cho thì chết, kế trao cho con là Mạc Nguyên Thanh chức An Nam Đô thống sứ.

Tháng 8 năm Thuận Trị thứ 16 (1659), đầu tiên Kinh lược Đại học sĩ Hồng Thừa Trù tâu nói nước An Nam sai lại mục là bọn Ngọc Xuyên bá Đặng Phúc Tuy, Triều Dương bá Nguyễn Quang Hoa mang tờ khai tới quân Tín quận vương bày tỏ lòng thành cống hiến lễ vật.⁽³⁾

Tháng 9 năm thứ 17 (1660) Lê Duy Kỳ⁽⁴⁾ bắt đầu tự xưng là quốc vương, dâng biểu tiến cống phương vật. Vua khen ngợi, ban cho lụa bạc.⁽⁵⁾

Năm thứ 18 (1661) ban sắc rằng “Trẫm duy: Tu đức lai viễn, thịnh đại chi hoảng mô, nạp khoản quy nhân, nhân thần chi chính nghị. Ký thân thành nhi hướng hóa, dụng tích mệnh dĩ tuyên ân. Bao trung khuyến lương, điển chí trọng dã. Nhĩ An Nam quốc vương Lê Duy Kỳ, tích xử Viêm phương, bảo hữu khuyết chúng. Nãi năng bị phục thanh giáo, đặc tiên khiển sứ lai quy, tuần lãm biểu văn, khốn thâm khả kiến. Cổ xưng thức thời tuần kiệt, vương thứ cơ hữu chi. Dụng tích sắc tướng dụ, nhưng lỗi nhĩ sai quan Nghi Nhân Căn ngân tể y phục đẳng sự, khiển Thông sự tự ban nhất viên bạn tổng chí Quảng Tây, duyên đồ bát phát binh mã đạo chi xuất cương. Nhĩ thụ tư sủng mệnh, kỳ ích lệ trung tiết, vĩnh tác bình phiên, khác thủ chức cống, phi thừa vô đồ. Khâm tai!” (Trẫm nghe: Sửa đức khiến kẻ xa tới là mưu lớn của thời thịnh, nộp cống về theo người nhân là nghĩa đúng của bề tôi. Đã thành tâm theo giáo hóa, dùng sắc mệnh để ban ơn, khen ngợi người trung khuyến khích kẻ lành là điều lớn nhất của điển lễ vậy. An Nam quốc vương Lê Duy Kỳ người, ở về cõi nam, tự có bộ chúng. Lại biết tuân phục giáo hóa, tự mình sai sứ vào châu, đọc qua biểu văn, lòng thành đủ thấy. Người xưa khen kẻ tuần kiệt thì biết thời vụ, vương ngõ hầu cũng được như vậy. Dùng sắc mệnh ban thưởng, cho sai quan Nghi Nhân Căn mang tiền bạc quần áo các thứ, sai một viên Thông dịch bạn tổng tới Quảng Tây, dọc đường điều động binh mã đưa qua biên giới. Người nhận ơn lớn này nên trau dồi lòng trung, vĩnh viễn làm phen giầu, hết lòng lo chức cống để nối dài không phế. Kính đấy!). Không bao lâu Duy Kỳ chết, con là Duy Đề⁽⁶⁾ nối ngôi. Kế lại chết, con là Duy Hy⁽⁷⁾ nối ngôi.

Tháng 11 năm Khang Hy thứ 2 (1663) Duy Hy sai bọn Lê Hiệu dâng biểu tạ ơn, kèm tiền cống phương vật.⁽⁸⁾ Tháng 2 năm thứ 3 (1664) sai Biên tu Nội viện Ngô Quang, Tư vụ Bộ Lễ Chu Chí Viễn qua dụ tế vua đã chết Duy Kỳ, Duy Đề.

Tháng 5 năm thứ 5 (1666) Duy Hy nộp lại sắc ấn của vua Vĩnh Lịch nhà Minh cũ, sai Hàn lâm học sĩ Nội Quốc Sử Quán Trình Phương Triều, Lang trung Bộ Lễ Trương Dịch Bí sách phong Duy Hy làm An Nam quốc vương,⁽⁹⁾ ban cho ấn bạc có núm hình lạc đà.

Năm thứ 6 (1667) Duy Hy cướp đất Cao Bằng của Đô thống sứ Mạc Nguyên Thanh, Nguyên Thanh chạy qua Vân Nam dâng sớ trần tình tố cáo, vua sai an trí ở Nam Ninh. Duy Hy cũng dâng sớ nói đầu đuôi việc đẩy quân trả thù.

Nguyên trước kia vào năm Chính Đức thứ 11 nhà Minh (1516) quan coi việc tế tự là Trần Cảo giết chết vua là Mạc Trừu tự lập, bề tôi của Trừu là Đô lực sĩ Mạc Đăng Dung đánh dẹp giết Cảo, lập con anh của Trừu là Huệ⁽¹⁰⁾ làm vua.⁽¹¹⁾ Năm Gia Tĩnh thứ 1 (1527), Đăng Dung đuổi Huệ tự lập làm vua, con Huệ là Lê Bình⁽¹²⁾ chiếm cứ Thanh Hoa tự thành một nước. Về sau họ Mạc dần dần suy vi, chỉ giữ được một quận Cao Bằng, thế lại càng yếu. Đến lúc ấy vua sai Thị độc Nội viện Lý Tiên Căn, Chủ sự Bộ Binh Dương Triệu Kiệt mang sắc dụ Duy Hy, sai trả đất đai nhân dân Cao Bằng lại cho Mạc Nguyên Thanh “Các người ai giữ đất người ấy, làm trọn chức phận phiên thần”. Lúc đầu định lệ An Nam ba năm tiến cống một lần. Năm Khang Hy thứ 7 (1668), Duy Hy dâng sớ xin tiến cống hai lần sáu năm một lượt, vua cho như lời xin.⁽¹³⁾

Năm thứ 8 (1669) bọn sứ thần Lý Tiên Căn mang sớ của Duy Hy về, nói đã tuân chỉ trả lại đất đai nhân dân Thạch Lâm, Quảng Nguyên, Thượng Lang, Hạ Lang cho Mạc Nguyên Thanh, lại tâu nói những đất đai mà Lê Duy Hy phải trả vẫn còn hai châu Bảo Lạc, Thất Nguyên và mười hai tổng thôn ở Côn Luân Kim Mã chưa trả, xin ra sắc dụ phải trả hết, vua không nghe. Năm ấy Lê Duy Hy chết, em là Duy Đĩnh quyền coi việc nước.⁽¹⁴⁾

Tháng Giêng năm thứ 13 (1674) Duy Đĩnh báo tang, sai bề tôi là bọn Hồ Sĩ Dương qua nộp cống vật của năm Khang Hy thứ 8 và thứ 11, dâng sớ nói “Tiên vương nhiều đời giữ đất An Nam, bị nghịch thần Mạc Đăng Dung soán ngôi, nhờ có ông nội của Phụ quốc Trịnh Ý tiểu trừ khôi phục, di nghiệp của nghịch Mạc chiếm cứ Cao Bằng, thoát phục thoát phản. Đến Mạc Nguyên Thanh sợ thần hỏi tội, lén vào nội địa đầu hàng. Năm Khang Hy thứ 8 (1669) phụng mệnh sai trả Cao Bằng, thần Duy Hy kính phụng lệnh vua, không dám không bẩm tuân. Nhưng Mạc Nguyên Thanh là kẻ thù không đội trời chung của thần, Cao Bằng là đất họ Mạc chiếm giữ nhiều đời, là sào huyệt phản nghịch, mối họa sát vách. Khấu đầu xin thiên ân vẫn cho Cao Bằng thuộc về bản quốc. Vả lại Mạc Nguyên Thanh còn

có thế từ và văn tế cha y là Mạc Kính Diệu, trong có những lời “muru chống thiên triều” nay kính trình lên, và cống hiến phương vật”. Vua giao cho bộ bàn, kể có lời nghị rằng “Duy Hy trước kia trả Cao Bằng cho Mạc Nguyên Thanh, lấy có trả lại thì đã kết mối hòa hiếu. Nay tuy Duy Đĩnh nói lấy được thế từ văn tế nhưng những bài văn ấy đã lâu ngày, lời thế từ có tên Mạc Kính Diệu, có khi từ đời Kính Diệu còn lại, cũng có thể từ đời Nguyên Thanh ngày nay, rất khó đoán định, nên sức cho Duy Đĩnh tra xét cho rõ rồi sẽ bàn tiếp”, vua theo lời.

Năm thứ 14 (1675) Lê Duy Đĩnh chết, em là Duy Chính⁽¹⁵⁾ quyền coi việc nước.

Năm thứ 16 (1677) vua dụ Duy Chính rằng “Nghịch tặc Ngô Tam Quế từ biến loạn giặc Sấm cuối thời Minh uốn lưng theo giặc, đến khi cha chết về tay giặc, cùng đường về theo, nghĩ y thành tâm, ban cho vương tước, mong cảm ơn báo đáp, sẽ hết dạ trung thành. Nhưng y lòng dạ sài lang, nuôi ý gian trá, muru việc bất chấp, chính mình gây hấn, giả xin dời trấn phủ để làm việc phản nghịch, mê hoặc kích động bọn gian, làm hại sinh linh. Trầm liên năm sai quân chinh thảo, Tàn (Thiểm Tây) Lũng (Cam Túc) đã định, Mân (Phúc Kiến) Việt (Quảng Đông) đã bình, chỉ còn sào huyệt của Ngô Tam Quế ở một góc, thoi thóp hơi tàn chỉ trong sớm tối. Nay đại quân tập hợp như mây, sợ y tháo chạy trốn qua Lĩnh Nam. Nay thấy vương nhiều đời làm phiên thần, trung thành với thiên quốc, với kẻ tội loạn con giặc ắt cũng coi như kẻ thù. Nay đã sai các quân tiến hành thảo phạt, bình định Việt Tây (Quảng Tây), tiến chiếm Vân Nam Quý Châu. Nước người đất đai liên cõi, vốn hiếu hình thế, vương nên chọn tuyển tướng sĩ hợp sức tiêu trừ, việc ban thưởng phong tặng thì triều đình vốn có điển lệ. Kính đây, đừng phụ mệnh trẫm”.

Tháng 11 năm thứ 18 (1679) Duy Chính chúc mừng thắng trận, lời sớ viết rằng “Nghịch tặc Ngô Tam Quế làm loạn mấy năm, cản trở đường tiến công của thần, lại nhiều lần hăm dọa dụ dỗ bắt phải theo, nhưng chỉ bo bo một mảnh ngu trung, không dám thay đổi tiết tháo. Lại có nghịch thần Mạc Nguyên Thanh ngầm câu kết với Tam Quế, lén vào Cao Bằng muru đồ đánh úp. Nay xin cậy oai trời, đuổi bắt nghịch đảng, làm rõ tội lỗi để giữ vững phiên bình”, vua cho.

Tháng 9 năm thứ 21 (1682) Duy Chính sai bề tôi là bọn Giáp Toàn dâng biểu mừng bình định Mân Việt, tiến cống phương vật hàng năm, lại xin tuất phong cho vua cũ Duy Đĩnh, đình thần bàn tuất phong theo lệ. Lúc bấy giờ những vàng bạc cốc chén tiến cống không khớp với trong tờ khai, nhưng có chiếu miễn không truy cứu, những vật tiến cống còn lại thì chước lượng giảm cho số lụa trắng, Giáng chân hương, Trung hắc tuyền hương.

Tháng 4 năm thứ 22 (1683) sai Thị độc Hàn lâm viện Minh Đồ, Biên tu Hàn lâm viện Tôn Trác sắc phong Lê Duy Chính làm An Nam quốc vương, ngự thư bốn chữ “Trung hiếu thủ bang” (Trung hiếu giữ nước) ban cho, đồng thời sai Thị

độc Hàn lâm viện Ô Hắc, Lang trung Bộ Lễ Chu Xán dụ tế vua trước Duy Hy, Duy Đĩnh. Lúc ấy Mạc Nguyên Thanh đã chết, em là Kính Quang bị họ Lê đánh bại, đem quân chạy trốn, vua sai giao về cho An Nam. Kế Kính Quang bệnh chết ở phủ Tứ Thành, họ Mạc bèn tuyệt.

Năm thứ 25 (1686) ban thêm cho An Nam quốc vương năm mươi tấm áo kếp, ghi làm lệ.

Năm thứ 36 (1697) Duy Chính tâu nói ba nơi Ngưu Mã, Hồ Điệp, Phổ Viên bị thổ ty lảng giềng xâm chiếm, xin trả lại. Vua hỏi Tuần phủ Vân Nam Thạch Văn Thạnh, biết đất ấy thuộc phủ Khai Hóa đã hơn ba mươi năm, hoàn toàn không phải đất cũ của An Nam, bèn xuống chỉ khiến trách.

Tháng 10 năm thứ 57 (1718) Lê Duy Chính chết, con nối ngôi là Duy Đào⁽¹⁶⁾ báo tang, xin tập phong, kèm thêm phương vật tiến cống.

Tháng 2 năm thứ 58 (1719), sai Trung thư Nội các Đặng Đình Triệt, Biên tu Hàn lâm viện Thành Văn dụ tế vua trước Lê Duy Chính, kiêm sách phong Duy Đào làm An Nam quốc vương.

Năm Ung Chính thứ 2 (1724) Duy Đào sai bề tôi dâng biểu mừng lên ngôi, kèm tiến cống phương vật, ban cho bốn chữ ngự thư “Nhật Nam thế tộc” (Nối đời hưởng nước ở Nhật Nam).

Năm Ung Chính thứ 3 (1725) Tổng đốc Vân Nam Cao Kỳ Trác tâu nói “Phủ Khai Hóa Vân Nam giáp giới với An Nam, từ tấn Mã Bá phủ Khai Hóa ra ngoài 40 dặm tới sông Tiểu Hà dưới núi Diên Xưởng có thôn Phùng Xuân 6 trại, thuê thóc hàng năm được hơn 12 thạch. Năm Khang Hy thứ 28 (1689) bị nhập về An Nam. Lại *Vân Nam thông chí* chép từ huyện Văn Sơn phủ Khai Hóa đi về phía nam 240 dặm tới sông Đồ Chú là biên giới với An Nam. Nay từ phủ Khai Hóa tới tấn Mã Bá hiện tại chỉ có 120 dặm, cho dù tới sông Tiểu Hà dưới núi Diên Xưởng cũng chỉ 160 dặm, ngoài sông Tiểu Hà núi Diên Xưởng 80 dặm còn lập hai xưởng Đô Long, Nam Chu làm ranh giới cũ của Vân Nam. Tuy đã mất từ thời nhà Tiền Minh, nhưng cương giới là việc quan hệ, đều nên xét rõ một lần, ủy phái người tới tra khám dựng mốc làm ranh giới”. Vua dụ rằng “Các nơi Đô Long, Nam Chu đã nhập vào An Nam từ cuối thời Minh, việc xâm chiếm ấy không phải bắt đầu từ triều ta. Từ khi An Nam quy thuận triều ta đến nay, nhiều đời cung thuận, không nên tranh giành với họ một vài tấc đất”. Bọn Duy Đào cũng dâng sớ biện luận. Tổng đốc kế nhiệm Ngạc Nhĩ Thái tâu xin dựng cột mốc chỗ sông Tiểu Hà dưới núi Diên Xưởng ngoài tấn Mã Bá phủ Khai Hóa 40 dặm, Duy Đào lại dâng sớ tranh cãi kịch liệt.⁽¹⁷⁾

Năm thứ 5 (1727) dụ Duy Đào rằng “Trẫm thông ngự thiên hạ, phạm các nước thần thuộc hiện nay không đâu không là đất của ta, cần gì phải khư khư so

kề 40 dặm đất đai nhỏ nhoi ấy. Nhưng phân định cương giới là việc hàng đầu của chính sự, kinh thành hay đất hoang cũng đều như vậy. Nay phiên thần nơi xa như Mông Cổ mà gặp chỉ dụ ban xuống cũng không gì không kính cần vâng lệnh, hưởng hồ nước người gọi là lễ nghĩa chi bang lại có thể một mình làm trái vượt ra ngoài vòng đức hóa sao! Vương không nên lấy việc xâm chiếm nội địa làm sự hiềm khích, khẳng khái phân biện, đó là cái lầm của người trước chứ đâu phải lỗi của vương. Vương chỉ nên hết lòng tuân theo chỉ dụ, trẫm không mong gì hơn, nếu lại có ý chần chừ, mất hết sự cung thuận trước nay, thì tự chuốc lấy điều không hay, người nhân thương yêu kẻ ở xa, nhưng há có thể bắt chẹt cầu may? Vương nên hết lòng, đừng trái lệnh trẫm!”. Duy Đào cảm động hối hận tâu lên tạ lỗi. Vua vì thế ban cho Duy Đào 40 dặm ngoài tấn Mã Bá, vẫn lấy sông Đồ Chú chỗ tấn Mã Bá làm ranh giới.

Tháng 3 năm thứ 6 (1728) sai Phó Đô thống sứ Hàng Kỳ Lộc, Nội các học sĩ Nhiệm Lan Chi qua An Nam tuyên dụ, đại khái nói “Vương nay đã hối lỗi về điều mê muội trước, lời lẽ cung thuận, trẫm đặc biệt ban ơn, tức vẫn ban cho 40 dặm đất ngoài tấn Mã Bá cho quốc vương nối đời gìn giữ”. Kế dụ Ngạc Nhĩ Thái “Trẫm đã gia ân cho ngoại phiên, cũng phải nhìn xuống cho dân được tiện. Nhân dân trong 40 dặm ấy nếu có ai muốn dời vào nội địa thì có thể cấp cho tiền bạc thu xếp cho vào ở Vân Nam, đừng để cho bị thất sở. Còn những người muốn ở lại thuộc ngoại phiên An Nam quản hạt, cũng cho tùy tiện”.

Tháng 11 năm thứ 11 (1733) Lê Duy Đào chết, con nối ngôi là Duy Hổ⁽¹⁸⁾ báo tang, xin tập phong, kèm cống hiến phương vật.

Tháng 2 năm thứ 12 (1734) sai Thị độc Hàn lâm viện Xuân Sơn, Binh khoa Cấp sự trung Lý Học Dụ dụ tế vua trước Duy Đào, sách phong Duy Hổ làm An Nam quốc vương.

Năm thứ 13 (1735) Lê Duy Hổ chết, em là Duy Vỹ⁽¹⁹⁾ quyền coi việc nước.

Năm Càn Long thứ 2 (1737) Duy Vỹ báo tang, xin tập phong. Sai Thị giảng Hàn lâm viện Tung Thọ, Tu soạn Hàn lâm viện Trần Viêm dụ tế vua trước Duy Hổ, sách phong Duy Vỹ làm An Nam quốc vương.

Tháng 9 năm thứ 3 (1738) Duy Vỹ sai sứ dâng biểu mừng lên ngôi và tiến cống phương vật.

Tháng 9 năm thứ 9 (1744) Tổng đốc Lương Quảng Mã Nhĩ Thái tâu “Gián dân ở Quảng Tây là Diệp Trăn lên ra đất Di Địch bên ngoài, xúi giục làm cướp, dân đói ở An Nam xiêu dạt tới các nơi Ninh Minh”. Vua sai các cửa ải giáp giới với An Nam ở Vân Nam, Quảng Đông tra xét nghiêm ngặt, không để xảy ra chuyện. Tiếp đó Tổng đốc Lương Quảng Mã Nhĩ Thái, Thự Tuần phủ Quảng Tây Thác Dung,

Đề đốc Quảng Tây Đâu Bân tâu “Các ải Bản Mông ở thổ động Thiên Long phủ Nam Ninh, các ải Diệp Hoang ở thổ châu Tư Lăng phủ Thái Bình, các ải Hạ Thủ ở thổ châu Hạ Lôi phủ Trấn Nam, tổng cộng trên 30 chỗ cửa khẩu bờ sông đều sát liền với đất An Nam, nên chất đá xây lũy, thêm quân đóng giữ, các thổ ty suất lãnh thổ dững chặn chỗ hiểm và tuần phòng, lại sức cho quan địa phương mùa đông hàng năm kiểm tra báo về. Đất Kỳ Lừa⁽²⁰⁾ của An Nam là nơi tụ họp mua bán, kẻ sát Do Ai. Từ Do Ai ra vào, trước nay đóng chặt, nếu mở ra thì rất tiện cho thương nhân. Nên mở khách trường thông kê thương nhân qua lại, lại giao cho quan địa phương kiểm tra cẩn thận. Tới như hai cửa quan Bình Nhi, Thủy Khẩu thông với các nơi Thái Nguyên, Mục Mã nên đặt trụ buộc xích sắt cản ngang mặt sông, gặp các ngày 5 ngày 10 thì mở một mặt cho thông thương”, vua theo lời tâu. Lúc trước vì châu Tư Lăng Quảng Tây giáp biên giới An Nam, nên Tuần phủ Thư Lược xin trồng tre để chặn những kẻ lén lút vượt biên. Thổ mục Bằng Tường, Tư Lăng có kẻ thừa cơ lấn đất của An Nam, người Giao Châu không cam lòng, nên thường có chuyện tranh chấp. Năm thứ 16 (1751) Tổng đốc Tô Xương tâu lên, vua sai giao Thư Lược cho bộ xét nghị.

Bọn phi người Dao ở An Nam là Bàn Đạo Kiềm, Đặng Thành Ngọc mưu làm loạn, chế tạo áo vàng, cờ vàng, ấn gỗ, câu kết với bọn Hà Thánh Liệt người Di trong nội địa, chia nhau đi chiêu mộ đồ đảng, định tấn công các nơi Đô Long, An Bắc, Nghi Kinh, bị tướng An Nam tra xét, bắt được bọn Hà Thánh Liệt, bọn Bàn Đạo Kiềm trốn vào trong núi.

Năm thứ 19 (1754) quan ở Bát Bảo Hà Sa An Nam là Hoàng Quốc Trân dụ bắt được Bàn Đạo Kiềm, Đặng Thành Ngọc, Tổng đốc Vân Quý Thạc Sắc tra hỏi biết được sự thật, tâu lên chính pháp. Lúc trước, thổ phi Quảng Đông Lý Văn Quang cùng thổ hào họ Nguyễn ở Thuận Hóa mưu chiếm cứ Lộc Lại, Đồng Nai⁽²¹⁾ làm loạn, quan phiên bắt được giam vào ngục, năm thứ 21 (1756) đóng gông giải 16 người bọn Lý Văn Quang về Phúc Kiến, Tổng đốc Mân Chiết Khách Nhĩ Cát Thiện tâu nói “An Nam xa xôi hẻo lánh, không dám tự ý giết bọn Lý Văn Quang mà đưa về thỉnh thị, đủ thấy có lòng thần phục. Nên xét bọn Lý Văn Quang theo tội giao kết với nước ngoài, phân biệt xử trị”, vua theo lời.

Tháng 6 năm thứ 22 (1757) thuyền An Nam gặp bão dạt vào tấn Vĩnh Ninh, sai quân giúp đỡ, cấp cho lương gạo đưa về, lại thu giữ vũ khí, lúc về tới nơi trả lại. Vua dụ “Thu khí giới cất vào kho khác với phi lễ, nên ban dụ cho các trấn bảo ở chuyên hải biết”.

Năm thứ 25 (1760) Tổng đốc Mân Chiết Ái Tất Đạt tâu nói “Bọn giặc người Sa ở biên cảnh An Nam bị quan đất Giao là Tô Do làm khó, kéo vào hai trại Man Trác, Mã Lộc cướp bóc, đã tâu cho quốc vương nước ấy bắt giải qua”. Vua thấy

ngày thường tuần phòng không nghiêm, gặp việc thì truy nã bắt lực nên xuống chỉ nghiêm khắc quở trách.

Năm thứ 26 (1761) Lê Duy Vỹ chết, con nối ngôi là Duy Đoan⁽²²⁾ báo tang, xin tập phong, sai Thị độc Hàn lâm viện Đức Bảo, Đại Lý tự thiếu khanh Cố Nhữ Tu dự tế vua trước Duy Vỹ, sách phong Duy Đoan làm An Nam quốc vương. Duy Đoan muốn dùng lễ năm lạy thờ trời của nước ấy để thụ phong, bọn Đức Bảo không chịu, phải theo như lời nghị, lễ xong. Cố Nhữ Tu đã ra khỏi biên giới, vì nghi tiết đưa đón của vua An Nam không chu đáo nên gửi thư trách, Tuần phủ Quảng Tây Phùng Học Bằng tâu lên, Nhữ Tu bị cách chức.

Tháng 3 năm thứ 27 (1762) vua dụ các bề tôi Bộ Lễ rằng “An Nam nhiều đời làm thuộc quốc, phàm có sứ giả triều đình mang sắc phong qua nước ấy, phải tuân hành lễ ba lần quỳ chín lần khấu đầu. Nhưng vua nước ấy ở nước nhỏ kiến thức hẹp hòi, thương lượng với sứ giả sách phong về nghi thức quỳ lạy, Đức Bảo, Cố Nhữ Tu bắt phải theo lệ, thủy chung đều tuân theo. Ngoại phiên không hiểu lễ chế, bộ thần nên chuẩn bị để chỉ thị. Về sau nếu gặp việc sách phong cho An Nam thì phải báo cho Chánh Phó sứ biết về điển lễ và nghi thức quỳ lạy trước sau, sai họ vĩnh viễn tuân theo, ghi làm lệ”.

Năm thứ 34 (1769) Mạc Công Toản hậu duệ của họ Mạc ở An Nam nương náu ở trại Mãnh Thiên nước Nam Chường, bị họ Lê bức bách đem thuộc hạ qua nội địa đầu hàng, Duy Đoan xin giải về xử trị, ban hịch quở trách.

Năm thứ 43 (1778) An Nam giải bọn giặc trốn vào cửa quan nộp, ban cho Duy Đoan gấm đoạn.

Năm thứ 46 (1781) Duy Đoan sai sứ tạ ơn, tiến cống phương vật. Vua sai thu nhận, ra lệnh lần tiến cống sắp tới giảm một nửa, lại sai về sau dâng biểu tạ không cần có lễ vật. Tháng 5 dụ Bộ Lễ rằng “Năm nay sứ giả nước An Nam tới kinh, hãy sai một viên quan đưa tới chiêm cận ở Nhiệt Hà”.

Năm thứ 49 (1784) vua Nam tuân, bề tôi An Nam là bọn Hoàng Trọng Chính, Lê Hữu Dung, Nguyễn Đường đón ngoài Nam Thành, ban cho tiền bạc có thứ bậc khác nhau, đặc biệt ban cho quốc vương biên ngạch đề bốn chữ “Nam giao bình hàn” (Rào giậu phương nam).

Năm thứ 51 (1786) họ Nguyễn ở An Nam gây biến. Đầu tiên là trong niên hiệu Gia Tĩnh nhà Minh, An Nam quốc vương Lê Duy Đàm phục quốc, thật ra nhờ sức bề tôi là họ Trịnh, họ Nguyễn, vì thế nối đời làm Tả Hữu Phụ chính. Về sau Hữu Phụ chính nhân con cô của họ Nguyễn còn nhỏ, kiêm luôn chức Tả Phụ chính để chuyên quyền, mà đẩy họ Nguyễn ra Thuận Hóa, gọi là Quảng Nam vương. Nguyễn Trịnh nhiều đời thù hận đem quân đánh nhau. Đến đời Lê Duy Đoan

quyền hành càng dời xuống người dưới, gần như chỉ còn là kẻ giữ phủ mà thôi. Phụ chính Trịnh Đổng lại giết chết thái tử, chiếm giữ ấn vàng, muốn cướp ngôi vua nhưng sợ Quảng Nam cường thịnh, bèn dụ dỗ thổ tù ở đó là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cùng đánh, diệt Quảng Nam vương ở Phú Xuân. Nguyễn Huệ tự làm Thái Đức vương, Trịnh Đổng tự làm Trịnh Tĩnh vương, thế lực ngang nhau, Duy Đoan không biết làm sao.⁽²³⁾

Kinh đô An Nam gọi là Đông Kinh, tức trị sở An Nam Đô hộ phủ thời Đường ở Giao Châu trước kia, mà lấy hai đạo Quảng Nam, Thuận Hóa làm Tây Kinh, tức đất Nhật Nam, Cửu Chân trước kia. Nơi Lê Duy Đàm đẩy quân bị ngăn cách với Đông Kinh bởi cửa biển, do họ Nguyễn Quảng Nam nhiều đời chiếm giữ, binh lực mạnh hơn An Nam. Đến lúc ấy Trịnh Đổng chết, Nguyễn Huệ cho rằng họ Trịnh chuyên quyền, lòng người không theo, bèn lấy tiếng trừ diệt họ Trịnh, đánh phá đô thành nhà Lê, giết chết Trịnh Tông con Trịnh Đổng, họ Nguyễn lại chuyên quyền, Duy Đoan cắt hai quận khao thưởng, lại gả con gái cho.

Năm thứ 52 (1787) Duy Đoan chết, tự tôn là Duy Kỳ⁽²⁴⁾ nối ngôi, Nguyễn Huệ bắt hết voi chở châu báu về Quảng Nam, sai bề tôi của họ Trịnh là Cống Chính⁽²⁵⁾ ở lại giữ đô thành. Cống Chính muốn phù Lê chống Nguyễn, bèn lấy tiếng nhận lệnh vua đem quân cướp lại 50 thớt voi, mà Nguyễn Nhạc ở Quảng Nam cũng muốn cướp số của cải ấy. Nguyễn Huệ về, đặt thành trì ở Phú Xuân, sai tướng là Nguyễn Nhậm⁽²⁶⁾ đem mấy vạn quân đánh Cống Chính ở quốc đô. Chính chết trận, Duy Kỳ xuất vong, Nguyễn Nhậm bèn chiếm giữ Đông Kinh, giữ chỗ hiểm các nơi, có ý tự lập làm vua.

Mùa hạ năm thứ 53 (1788) Nguyễn Huệ lại đem quân ra giết Nguyễn Nhậm ở Đông Kinh, mời Duy Kỳ trở về. Duy Kỳ biết là khó lường, không dám ra mặt. Huệ biết lòng dân không theo, bèn phá hủy cung điện, đem trai gái ngọc lụa lên thuyền về Phú Xuân, để lại 3.000 quân giữ Đông Kinh.

Có Đốc trấn Cao Bằng Nguyễn Huy Túc hộ vệ mẹ, vợ và gia quyến Duy Kỳ hơn 200 người từ Cao Bằng lên thuyền trốn tới sông Bắc Niệm Khê, giáp giới với Long Châu phủ Thái Bình Quảng Tây, liều mạng lội qua sông lên bờ bắc, những người không kịp qua sông đều bị truy binh giết chết. Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị, Tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh trước sau tâu lên, lại nói “Muốn giúp hay đoạt, tùy lệnh bề hạ”. Vua vì họ Lê giữ tròn việc chúc cống của phiên thần hơn trăm năm, nên ra quân hỏi tội để dấy nước đã diệt nổi dòng đã tuyệt. Đầu tiên cho họ ở lại Nam Ninh, sai bọn bề tôi đi theo là Lê Quýnh, Nguyễn Đình Mai về nước bí mật báo cho tự tôn. Lúc bấy giờ cương vực An Nam, phía đông giáp biển, phía tây giáp Lão Qua, phía nam ngăn cách với Chiêm Thành bởi một cửa biển, phía bắc nối liền với Quảng Tây, Vân Nam. Có 22 phủ, trong đó 2 phủ do thổ ty

giữ, thật ra chỉ có 20 phủ, chia làm 13 đạo. Lúc ấy còn chưa bị hãm có đạo Thanh Hoa 4 phủ 15 huyện, đạo Tuyên Quang 3 châu 1 huyện, đạo Hưng Hóa 10 châu 2 huyện, đường lên bắc chưa bị hãm, đường xuống nam đã bị hãm thì có đạo An Bang 4 phủ 12 huyện, đạo Sơn Tây 5 phủ 24 huyện, đạo Kinh Bắc 4 phủ 20 huyện, đạo Thái Nguyên 3 châu 8 huyện, đường lên bắc đã bị hãm, đường xuống nam chưa bị hãm thì có đạo Sơn Nam 9 phủ 36 huyện, đạo Hải Dương 4 phủ 19 huyện. Duy hai đạo Quảng Nam, Thuận Hóa vốn là sào huyệt của họ Nguyễn, lại chiếm cứ đạo Cao Bằng 1 phủ 4 châu, đạo Lạng Sơn 1 phủ 7 huyện để cản trở nội địa.

Vua sai Tôn Sĩ Nghị truyền hịch cho các lộ ở An Nam, lấy điều thuận nghịch hiểu dụ kêu gọi theo về đường ngay. Lúc bấy giờ em Duy Kỳ là Duy Tự, Duy Chỉ đều lưu vong tránh nạn, Duy Tự chết ở thành Tuyên Quang, Duy Chỉ từ xưởng Ba Bông ở Kinh Bắc tới đầu hàng. Tôn Sĩ Nghị cho rằng Duy Chỉ có tài khí, định sai quyền giữ việc nước. Vua nghĩ anh em họ về sau sẽ có hiềm khích nên không cho, lại sai thổ ty Điền Châu Sầm Nghi Đống bảo hộ Duy Chỉ ra ải hiệu triệu nghĩa binh. Gặp lúc bọn Nguyễn Đình Mai đem thư trả lời của tự tôn tới, nhờ chuyển tâu lên. Lúc ấy thổ ty và quan binh các phủ huyện chưa bị hãm ở An Nam tranh nhau bắt trói ngục đảng, dâng nộp bản đồ, mà nghĩa dũng các nơi ngoài cửa ải cũng đều góp lương luyện tập, xin làm hướng đạo. Lúc ấy anh em Nguyễn Huệ cũng lên cửa quan khẩu đầu xin nộp cống, đưa biểu của thần dân trong nước tới, nói Lê Duy Kỳ không biết sống chết ra sao, xin lập Ông hoàng tư Duy Cận con vua trước là Duy Đoan coi việc nước, lại xin đón mẫu phi về nước. Vua biết Nguyễn Huệ coi thường Duy Cận ngu muội nhu nhược dễ sai khiến, giao quyết xin giúp quân, bèn sai Tôn Sĩ Nghị nghiêm khắc quở trách.

Tiền quân qua An Nam có ba đường: một là đường chính từ Trấn Nam quan Quảng Tây, một là từ Khâm Châu Quảng Đông vượt biển qua núi Ô Lôi tới phủ Hải Đông An Nam, tức đường của quân thủy nhà Đường từng đi, một là từ thác Liên Hoa huyện Mông Tự Vân Nam lên bộ tới sông Thao của An Nam, tức đường ra quân của Mộc Thạnh nhà Minh. Tôn Sĩ Nghị và Đề đốc Hứa Thế Hanh suất lĩnh một vạn quân Lưỡng Quảng ra cửa ải, đem 8.000 thuyền tới Đông Kinh, để 2.000 đóng lại ở Lạng Sơn làm thanh viện. Đề đốc Vân Nam Ô Đại Kinh đem 8.000 quân từ ải Mã Bạch phủ Khai Hóa qua sông Đổ Chú, vào ranh giới Giao Chỉ 1.100 dặm thì tới trấn Tuyên Hóa, cũng khá gần đường đi của Mộc Thạnh trước kia. Tổng đốc Vân Quý Phú Cương xin đi, vua cho rằng một đạo quân không thể có hai tướng đứng đầu, bèn sai đóng lại ở Đô Long ngoài cửa quan để đốc suất việc vận chuyển lương thảo.

Cuối tháng 10, quân Lưỡng Quảng qua Trấn Nam quan. Ban chiếu nói An Nam sau loạn mỗi một không thể cung ứng, việc chuyển vận lương thảo theo hai đường Vân Nam, Quảng Tây trong nội địa, đặt hơn 70 trạm, đi qua nơi nào cũng

không xâm phạm mây may. Tôn Sĩ Nghị, Hứa Thế Hanh từ Lạng Sơn chia đường cùng tiến, Tổng binh Thượng Duy Thắng, Phó tướng Khánh Thành suất lĩnh quân Quảng Tây, Tổng binh Trương Triều Long, Lý Hóa Long suất lĩnh quân Quảng Đông. Lúc bấy giờ thổ binh nghĩa dũng đều đi theo, phao tin có mấy mươi vạn đại quân, quân giặc giữ ở những nơi hiểm yếu đều theo gió mà chạy, chỉ chặn chỗ hiểm ở Tam Giang chống cự.

Ngày 13 tháng 11, Thượng Duy Thắng, Khánh Thành suất lĩnh hơn 1.000 quân, canh năm tới sông Thọ Xương. Giặc lui giữ bờ nam, quân ta thừa thế đuổi theo, cầu phao bị gãy, đều dùng bè vượt sông. Lúc ấy trời có mù lớn, quân giặc lăm đánh lẫn nhau, quân ta bèn qua sông phá tan. Trương Triều Long cũng phá được quân giặc ở Quế Thạch.

Ngày 15 tiến quân tới sông Thị Cầu. Sông rộng, vả lại bờ nam dựa vào núi, cao hơn bờ bắc, quân giặc giữ chỗ hiểm đặt đại bác bắn xuống, quân ta không sao kết bè. Các quân nhờ thế sông quanh co, giặc không nhìn được xa, bèn làm ra vẻ chuyển tre gỗ tới làm cầu phao, tỏ ý nhất định qua sông, nhưng ngầm cho 2.000 quân lên thượng du chỗ nước lạng cách đó 20 dặm dùng thuyền nhỏ ngầm vượt qua.

Ngày 17 cưỡi bè qua sông giữ nhau. Lúc ấy quân ở thượng du đã vòng ra sau lưng giặc, nhân trên cao quát tháo đánh xuống, âm thanh chấn động sơn cốc. Giặc không biết vương sư từ đâu rơi xuống, đều hoảng sợ chạy tan.

Ngày 19 qua sông Phú Lương, sông ở ngoài quốc môn, giặc chặt hết tre gỗ dọc sông, thu hết thuyền bè phía đối ngạn. Nhưng nhìn xa thấy trận thế quân giặc không chinh tề, biết không có lòng chiến đấu, bèn tìm thuyền nhỏ ở nơi xa bờ chờ hơn trăm quân đang đêm qua sông, lại cướp được hơn 30 chiếc thuyền nhỏ khác, thay phiên chở 2.000 quân qua sông, chia nhau đánh vào trại giặc. Giặc đang đêm tối không biết quân ta nhiều ít đều tan vỡ, đốt được hơn 10 thuyền lớn, bắt được mấy mươi viên Tổng binh và tước hầu tước bá. Rạng sáng thì toàn bộ đại quân qua sông. Tông tộc họ Lê và nhân dân ra đón lạy rạp xuống ven đường, Tôn Sĩ Nghị, Hứa Thế Hanh vào thành tuyên bố an ủi rồi ra. Lũy đất quanh thành cao không đầy vài thước, trên trồng tre dày, phía trong có hai lớp thành bằng gạch, là nơi quốc vương ở, còn cung thất đều đã bị phá hủy. Mà Lê Duy Kỳ trốn trong nhà dân, canh hai đêm ấy mới tới quân doanh gặp Tôn Sĩ Nghị, khấu đầu chín lần lạy tạ. Bèn báo tin thắng trận về triều. Lúc trước vương sư lên đường, vua lo sau khi việc thành sách phong đi lại chậm trễ, đến nỗi vương sư phải dầm sương dãi nắng lâu ngày ở ngoài nên đã sai Bộ Lễ đúc ấn, Nội Các soạn sách, đưa tới cho quân. Tôn Sĩ Nghị bèn chọn ngày 22 làm lễ sách phong Lê Duy Kỳ làm An Nam quốc vương, lại sai ngựa trạm báo cho Tôn Vĩnh Thanh đưa gia quyến họ Lê về nước. Duy Kỳ dâng biểu tạ ơn, xin đến năm Càn Long thứ 55 (1790) tới kinh chúc thánh thọ bát tuần.

Vua sai chờ khi An Nam đã hoàn toàn yên ổn, Duy Kỳ có thể tự lập thì cho vào châu. Trận ấy dân cũ chịu ơn nhà Lê và nghĩa dũng các nơi đi đầu làm thanh thế, lại bọn Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long vừa lập công ở Đài Loan về, đều là tướng giỏi thiện chiến, nên có thể đem hơn vạn quân ruổi dài vào sâu, không đầy một tháng đã khôi phục được kinh đô, lúc ấy quân Vân Nam của Ô Đại Kinh vẫn chưa tới. Vua hạ chiếu phong Tôn Sĩ Nghị làm Mưu Dũng công Nhất đẳng, Hứa Thế Hanh tước tử Nhất đẳng, các tướng sĩ đều được ban thưởng nhiều ít khác nhau.

Lúc ấy Nguyễn Huệ đã trốn về Phú Xuân, Tôn Sĩ Nghị định tạo chiến thuyền đuổi theo đánh dẹp. Tôn Vĩnh Thanh tâu nói “Quảng Nam cách đô thành nhà Lê hai ngàn dặm, dùng một vạn quân thì cần mười vạn phu chuyển vận lương thực, cũng như từ Trấn Nam quan tới đô thành nhà Lê”. Vua vì An Nam bị tàn phá rỗng không, vả lại nhà Lê nhiều đời nhu nhược, việc hưng phế chưa chắc đã không phải do vận số. Đã đường xa vận lương khó khăn thì không lẽ nào lại để quân mỗi một lâu ngày bắt giặc giúp họ, bèn hạ chiếu sai lập tức ban sư trở vào cửa quan. Nhưng Tôn Sĩ Nghị tham công, không chịu lập tức rút quân, lại khinh địch không đề phòng, giải tán thổ binh nghĩa dũng, quân lẻ loi đóng lại trong đô thành nhà Lê hơn một tháng. Họ Nguyễn dò biết được hư thực, cuối năm dốc hết quân tới đánh úp quốc đô, giả nói là tới hàng, bọn Sĩ Nghị tin lời bịa đặt ấy, an nhiên không biết gì. Ngày Tết Nguyên Đán năm thứ 54 (1789) đặt tiệc nghe nhạc trong quân, đến đêm chợt có tin báo quân Nguyễn ồ ạt kéo tới, mới vội vàng ra chống cự. Giặc dùng voi chở pháo lớn xông vào, quân ta ít không chống nổi đông, đang đêm giầy xéo lên nhau tháo chạy. Lê Duy Kỳ dắt gia quyến chạy trước, quân Vân Nam nghe tiếng pháo cũng rút chạy, Tôn Sĩ Nghị cướp cầu phao chạy qua sông Phú Lương rồi chặt cầu, vì thế quân còn lại trên bờ như Đê đốc Hứa Thế Hanh, Tổng binh Trương Triều Long, quan binh phu dịch hơn vạn người, đều bị chết đuối. Lúc ấy Sĩ Nghị chạy về Trấn Nam quan, lại đốt hết các kho lương thực khí giới dọc đường tới mấy mươi vạn, quân mã trở về không được một nửa. Quân Vân Nam nhờ bề tôi nhà Lê Hoàng Văn Thông dẫn đường nên được toàn vẹn rút về. Mẹ con Lê Duy Kỳ lại tới đầu hàng. Việc tâu lên, vua vì Sĩ Nghị không sớm ban sư, lại khinh địch không chuẩn bị đến nỗi làm mất oai nước, hao tổn tướng sĩ, bèn sai cách chức giải về kinh chờ tội, lấy Phúc Khang An thay giữ chức ấy.

Nguyễn Huệ tự biết chuốc lấy tai họa, đã sợ vương sư thảo phạt lần nữa, lại vừa gây chiến với Tiêm La, sợ Tiêm La thừa cơ đánh phía sau, lúc ấy bèn gõ cửa quan tạ tội xin hàng, đổi tên là Nguyễn Quang Bình, sai Quang Hiến là con người anh dâng biểu nộp cống, xin ban phong hiệu. Đại khái nói đã trấn thủ Quảng Nam chín đời, đối địch với An Nam chứ không phải là vua tôi. Vả lại đây là việc người Man tranh giành nhau chứ không dám chống cự Trung Quốc, xin năm sau sẽ đích thân vào kinh triều kiến, lại sẽ xây đàn lập miếu cho tướng sĩ Trung Quốc chết trận,

xin ban quan hàm thụy hiệu để đặt bài vị thờ cúng. Lại nghe tin sứ giả Tiêm La vào kinh triều cống, sợ bị tai họa, xin thiên triều đừng nghe lời họ. Phúc Khang An đều trước sau tâu lên.

Vua vì Duy Kỳ lại bỏ nước lần nữa, lại không giữ được cả sách ấn, đó là trời ghét họ Lê, không thể tự còn, mà Nguyễn Quang Bình đã xin đích thân vào triều cận, không phải như họ Mạc, họ Lê đời trước chỉ biết cống người vàng thay người mà thôi. Và lại An Nam từ thời Ngũ quý trở đi, Khúc, Kiều, Ngô, Đinh, Lý, Trần, Lê, Mạc thường cắn nuốt lẫn nhau, các đời trước từng lấy đất ấy làm quận huyện, nhưng phản trắc vô thường, thường có mối lo về phương Nam. Bèn chuẩn cho như lời xin, lập tức phong Nguyễn Quang Bình làm An Nam quốc vương, lời sách rằng:

朕惟王者遐覃伐罪因而舍服候封恪守事大所以畏天鑒誠惴於荒陬貫其既往沛恩膏於屬國嘉以維新貴茲寵命之頒勗以訓行之率惟安南地居炎徼開十三道之封疆而黎氏臣事天朝修百餘年之職貢每趨王會舊附方輿自遭難以流離遂式微而控禦方謂興師復國宇小堪與圖存何期棄印委城積弱仍歸失守殆天心厭其薄德致世祚訖於終淪爾阮光平起自西山界斯南服向匪君臣之分寢成婚媾之仇釁啓交訐情殊負固抗顏行於倉卒雖無心而難掩前愆悔罪咎已湔除願革面而自深痛艾表箋籲請使先猶子以抒忱琛獻憬來躬與明年之祝嘏自非仰邀封爵榮藉龍光曷由下蒞民氓安茲鳩集況王者無分民詎在版章其土宇而生民有司牧是宜輯寧爾邦家爰布寵綏俾憑鎮撫今封爾爲安南國王錫之新印於戲有興有廢天子惟順天而行無貳無虞國王咸舉國以聽王其懋將丹款肅矢冰兢固圉以長其子孫勿使逼滋他族悉心以勤於夙夜罔令逸欲有邦益敬奉夫明威庶永承夫渥典欽哉毋替朕命。

Trẫm duy: Vương hóa hà đàm, phạt tội nhân vi xả phục, hầu phong khác thủ, sự đại sở dĩ ủy thiên. Giám thành khốn ư hoang tru, thể kỳ ký vãng, bái ân cao ư thuộc quốc, gia dĩ duy tân. Bí tư sủng mệnh chi ban, ức dĩ huấn hành chi suất. Duy An Nam địa cư viêm kiều, khai thập tam đạo chi phong cương, nhi Lê thị thân sự thiên triều, tu bách dư niên chi chức cống. Mỗi xu vương hội, cự phụ phương dư. Tự tao nạn dĩ lưu ly, toại Thức vi nhi không tổ. Phương vị hưng sự phục quốc, tự tiểu kham dĩ đồ tồn, hà kỳ khí ấn ủy thành, tích nhược nhưng quy thất thủ. Đãi thiên tâm yếm kỳ bạc đức, trí thể tội cật ư chung luân. Nhĩ Nguyễn Quang Bình khởi tự Tây Sơn, giới tư nam phục. Hướng phỉ quân thân chi phận, tầm thành hôn cầu chi cừ. Hân khai giao hồng, tình thù phụ cố. Kháng nhan hành ư thắng thốt, tuy vô tâm nhi nan yếm tiền khiên, hối tội cửu dĩ tiên trừ, nguyện cách diện nhi tự thâm thống ngải. Biểu tiên dụ thỉnh, sứ tiên do tử dĩ trừ thâm, thám hiến cảnh lai, cung dĩ minh niên chi chúc hỷ. Tự phi ngưỡng yêu phong tước, vinh tạ long quang, hạt do hạ lý dân manh, thỏa tư cư tập. Huống vương giả vô phân dân, cự tại bản chương kỳ thổ vũ, nhi sinh dân hữu tư mục, thị nghị tập ninh nhĩ bang gia. Viên bố sủng tuy, tử bằng trấn phủ, kim phong nhĩ vi An Nam quốc vương, tích chi tân ấn. Ô hô, hữu hưng hữu phế, thiên tử duy thuận thiên nhi hành, vô nhị vô

ngu, quốc vương hàm cử quốc dĩ thính. Vương kỳ mâu tương đan khoản, túc thi bằng cạnh, cổ ngữ dĩ trường kỳ tử tôn, vật sử bức tư tha tộc. Tất tâm dĩ cần ư túc dạ, võng lệnh đặt dục hữu bang, ích kính phụng phù minh uy, thứ vĩnh thừa phu ác điển. Khâm tai, vô thể trầm mệnh.

(Trẫm nghe: Vương hóa lan xa, trị tội vì tự bỏ phận, hầu phong cố giữ, thờ lớn bởi biết sợ trời. Xét thành ý nơi hoang vu, bỏ qua chuyện cũ, rưới ân đức cho thuộc quốc, mong sẽ duy tân. Mệnh lệnh trời đã ban, thi hành người phải gắng. Duy An Nam đất nơi nam giới, mười ba đạo mở phong cương, mà họ Lê thần phục thiên triều, hơn trăm năm lo chức cống. Mỗi khi hội họp, đều phụ xe xa. Từ gặp nạn phải lưu ly, trải Thước vì⁽²⁷⁾ mà tố cáo. Vừa nói hưng binh phục quốc, nhỏ nhoi cũng cố chu toàn, vì sao bỏ ấn gửi thành, yếu ớt vẫn ra thất thủ. Chắc lòng trời ghét vì bạc đức, nên nghiệp trước rốt phải mất ngôi. Nguyễn Quang Bình người dấy từ Tây Sơn, đất nơi nam cảnh. Vua tôi vốn không danh phận, thông gia mới hóa rể con. Chuyện tới tranh giành, tình thành phụ rẫy. Chồng cự đang khi thắng thoát, tuy vô tâm nhưng khó giấu tiền khiên, hối hận đã sớm thừa, mong đổi nét mà trong lòng tự sửa. Biểu dâng lời thiết, sai sứ qua bày ý tỏ lòng, vật cống niêm thành, xin năm tới vào kinh chúc thọ. Không phải ngẩng xin phong tước, lấy đó làm vinh, thật vì thương xuống chúng dân, giúp cho yên sở. Huống vương giả không chia thần dân, há muốn có thêm đất ấy, mà nhân dân cần được cai trị, nên phải làm yên nước người.⁽²⁸⁾ Bởi thế ban bố đức ân, giúp cho dựa vào trấn phủ, nay phong người làm An Nam quốc vương, ban cho ấn mới. Than ôi, có hưng có phế, thiên tử chỉ thuận trời mà làm, chớ ngại chớ lo,⁽²⁹⁾ quốc vương nên đem nước nghe lệnh. Vương nên hết lòng kính cần, quyết ý mạnh mẽ, giữ bền truyền cho cháu con, chớ để về tay họ khác. Phải gắng chuyên cần khuya sớm, chớ tham hưởng lạc rong chơi,⁽³⁰⁾ oai sáng⁽³¹⁾ nếu như kính thêm, ơn dày ngõ hầu hưởng mãi. Kính thay, chớ trái mệnh trẫm).⁽³²⁾

Với Lê Duy Kỳ thì thưởng hàm Tam phẩm, sai cùng thuộc hạ gia quyến tới kinh, ghép vào quân Bát kỳ người Hán, kế cho Duy Kỳ làm Tá lĩnh. Lại sai Nguyễn Quang Bình hỏi tìm thân thuộc của Duy Kỳ, đưa lên cửa ải. Những người Di phía tây nam an tháp trong nội địa trước đó, có ai nhớ nhung chủ cũ, cũng sai Nguyễn Quang Bình khéo léo vỗ về, để tỏ rõ ý thương xót chu toàn.

Năm thứ 55 (1790), Nguyễn Quang Bình tới triều chúc thọ, trên đường phong con là Nguyễn Quang Toàn làm Thế tử. Tháng 7 vào bộ kiến ở Nhiệt Hà, cho đứng dưới các thân vương mà trên các quận vương, ban cho thơ ngự chế, cho đội mã mang đai trở về. Thật ra Quang Bình sai em mạo danh tới, chứ Quang Bình chưa dám đích thân tới, quý quyết như thế đấy.

Năm thứ 56 (1791), đánh bại Lê Duy Chỉ và quân Vạn Tượng lại tới báo tiệp, vua ban thưởng rất hậu.

Năm thứ 57 (1792), nghị định An Nam công hiến lệ cũ ba năm một lần, nay định làm hai năm một lần, lệ cũ sáu năm sai sứ vào châu một lần, nay định là bốn năm một lần. Tháng 9, Nguyễn Quang Bình bệnh chết ở Nghệ An⁽³³⁾ thế tử Nguyễn Quang Toàn quyền giữ việc nước, sai người báo tang.

Tháng giêng năm thứ 58 (1793), sai Án sát Quảng Tây Thành Lâm dụ tế, ban tên thụy là Trung Thuận, lại ban thơ ngự chế, khắc lên bia mộ để tỏ rõ sự cung thuận. Phong Quang Toàn làm An Nam quốc vương. Vua cho rằng họ Nguyễn mới dựng nước, lòng người chưa định, Nguyễn Quang Toàn còn nhỏ, vả lại Nguyễn Nhạc còn ở Quảng Nam, Ngô Văn Sở cầm binh quyền đã lâu, vua nhỏ nước ngờ, e sẽ có biến, đặc biệt điều Phúc Khang An tới tổng đốc việc biên bị vùng Vân Quý, lại sai Thành Lâm bí mật dò xét tình hình nước ấy. Thành Lâm về báo việc nước đã yên, bèn thôi. Tháng 8, Thự Tổng đốc Lưỡng Quảng Quách Thế Hưng tâu An Nam lập thêm chợ Hoa Sơn. Trước là An Nam qua lại mua bán, thương nhân ở hai cửa quan Bình Nhi, Thủy Khẩu lập chợ ở phố Mực Mã trấn Cao Bằng nước ấy, thương nhân ở Do Ải lập chợ ở phố Kỳ Lừa trấn Lạng Sơn, chia làm hai hiệu Thái Hòa, Phong Thịnh, lại đặt trưởng ngao, trưởng chợ mỗi chức một người, bảo hộ, giám đương mỗi chức một viên. Mà từ cửa Bình Nhi ra ngoài buôn bán ắt phải theo đường sông tới Hoa Sơn trước, đường đi gần hai trăm dặm. Mà chung quanh Hoa Sơn thôn xóm đông đúc, đến lúc ấy đặt thêm cửa hiệu, thị trưởng, giám đương thì phải quan viên ở Kỳ Lừa tới. Thương khách Trung Quốc có người theo đường bộ tới Mực Mã, vẫn cho tùy tiện.

Năm Gia Khánh thứ 1 (1796), Tướng quân Phúc Châu Khôi Luân, Tổng đốc Lưỡng Quảng Cát Khánh trước sau dâng lời tâu, nói bắt được bọn cướp biển Tàu ô, có sắc mệnh, ấn tín Tổng binh vân vân do nước An Nam phong. Đầu tiên họ Nguyễn chiếm cứ Quảng Nam, lấy cảng Thuận Hóa làm cửa ngõ, tiếp giáp với Chiêm Thành, Chân Lạp, Tiêm La, phía tây nam tới biển. Có thương thuyền bạt gió vào biển, họ Nguyễn đều tịch thu hết hàng, cho dù là thương thuyền Trung Quốc cũng đánh thuế gấp đôi tịch thu một nửa, nên thương thuyền các nước Hồng Mao, Chiêm Thành, Chân Lạp đều lấy vùng eo biển Quảng Nam làm răn. Cha con Nguyễn Quang Bình đã dùng quân cướp nước, việc quốc dụng thiếu thốn, thương thuyền không tới, bèn sai hơn một trăm chiếc tàu, hai mươi viên Tổng binh, lấy tiếng đi thu thập quân lương, chiêu mộ nhiều kẻ vong mạng ở duyên hải Trung Quốc, lấy quan chức dụ dỗ, cấp cho khí giới thuyền bè, sai làm hướng đạo vào cướp các tỉnh Mân, Việt, Giang (Giang Tây), Chiết (Chiết Giang).

Lúc ấy quân đất Chiết đi đánh cướp biển, gặp mưa to gió lớn, trong mưa có sét đánh vào thuyền giặc, phá hỏng tất cả. Tham tướng Lý Thành Long suất lĩnh quân lợi xuống nước lấy súng của giặc, lại lấy được bốn tờ sắc bốn quả ấn Tổng binh của An Nam. Trong sắc viết “Sai tào đội đại thống binh Tiên Lộc hầu Luân

Quý Lợi”, mà Giáo dụ Vương Tam Kha bắt được ba tên giặc, một người giả câm, một người tên Vương Quý Lợi, tra hỏi thì nói chính là Luân Quý Lợi. Cùng lúc ấy tỉnh Mân bắt được tàu giặc của Tổng binh An Nam Phạm Văn Hỷ, khai nói “Nguyễn Quang Bình đã thay họ Lê, Quang Bình chết truyền ngôi cho con là Quang Toàn, lúc ấy đánh nhau với Cự Nguyễn, nhưng khổ nỗi quân phí thiếu thốn, nên Tổng binh Trần Bảo Ngọc chiêu tập thuyền tỉnh Việt ra cướp bóc trên biển. Kế đó Tổng binh An Nam Hoàng Văn Hải có hiềm khích với quan của giặc là Trần Tồn Thất nên đem hai chiếc thuyền vào Mân đầu hàng, nay đất Mân đóng thuyền là theo kiểu thuyền ấy. Luân Quý Lợi là người Trùng Hải Quảng Đông, theo An Nam đánh nhau với Cự Nguyễn có công, được phong tước hầu. Được giao làm Tuần hải, ngầm liên kết với bọn cướp ở tỉnh Mân tới cướp phá Mân Chiết. Tàu An Nam có bảy mươi chiếc chia làm ba chi Tiền, Trung, Hậu, Luân Quý Lợi thống lĩnh Hậu chi. Số ấn đồng có bốn quả, một quả của Luân Quý Lợi, ba quả còn lại của ba Tổng binh tên Diệu, tên Nam, tên Kim. Diệu đã bị bắt chém, Nam và Kim đều đã chết đuối ngoài biển”. Tuần phủ Nguyễn Nguyên chém Quý Lợi, gửi kèm tờ cùng tờ tâu về triều.

Vua sai Quân cơ đại thần ký tên Tổng đốc Lương Quảng gửi chiếu hội qua quốc vương An Nam. Tháng 12 mùa đông Nguyễn Quang Toàn phúc đáp “Tiểu phiên nhiều đời được thiên triều che chở, ơn không bờ bến, không sao báo đáp, chỉ nghĩ cẩn thận giữ gìn cương thổ, mãi mãi làm phen giậu. Chỉ vì Nông Nại ở cực nam của bản quốc có đầu sỏ giặc Nguyễn Chung lén lút chiếm cứ đất ấy, kêu gọi bè đảng Tề Ngôi, nhiều lần gây họa trên biển. Bản quốc chinh đôn việc hải phòng, có khi bắt giữ thương khách để tách rời với bọn cướp biển, giúp cho việc đi lại mua bán trên biển. Luân Quý Lợi trước cư trú ở bản quốc, cũng theo thương lữ tuần phòng. Ai ngờ y ngầm mang lòng dữ, che giấu tiểu phiên, lại dám ước hẹn với thuyền giặc cướp, vượt khỏi ranh biển làm việc cướp bóc. Lại tự chế tạo ấn tín để lừa dối dụ dỗ, tình tội rất lớn, quả thật pháp luật không thể dung tha. Tiểu phiên không thể biết trước ý gian, sơ suất trong việc kiểm thúc. Ngang mong thánh từ soi xét, thấy rõ lòng thành, thêm lời răn bảo, mặt trời soi mãi. Kính đọc thánh dụ, vừa cảm vừa sợ. Xin kính tuân theo lời dạy, yên giữ phiên phong, sai nhân viên tuần biển của bản quốc ra sức đề phòng, bí mật kiểm chế, quyết không tha cho kẻ kết bọn với giặc cướp vượt cỗi làm bậy, cốt cho biển Quế mãi trong, để báo đáp ơn đức hết mức thương người xa của thiên tử, là điều vẫn tự cố gắng vậy”. Vua cho rằng quốc vương không biết, tha cho.

Năm thứ 2 (1797), Tổng đốc Lương Quảng tâu nói An Nam quốc vương Nguyễn Quang Toàn sai ủy bọn võ quan Đinh Công Tuyết mang binh thuyền bắt bọn cướp Hoàng Quế, Trần Lạc hơn sáu mươi người giải qua nội địa. Vua ban sắc khen ngợi, lại ban cho như ý, ngọc sơn, măng cầm, the lụa và khí mãnh, để tỏ ý ưu thưởng.

Lúc đầu Nguyễn Quang Bình (tức Nguyễn Huệ) đã đánh diệt Quảng Nam vương Nguyễn Mỗ, Nguyễn Mỗ là con rể vua Lê, vợ là Lê thị có mang, trốn vào Nông Nại, Nông Nại là đô thành cũ của Thủy Chân Lạp, tức tỉnh Gia Định, nay là Sài Gòn.⁽³⁴⁾ Lê thị sinh con là Nguyễn Phước Ánh,^(*) vốn tên là Chũng, lẩn trốn trong dân gian. Đến khi lớn lên, chạy qua Xiêm La. Vua Xiêm La vốn có thù với Nguyễn Quang Bình, bèn gả em gái cho Phước Ánh, giúp cho quân sĩ, đánh hạ Nông Nại, chiếm cứ đất ấy, thế lực mạnh dần, gọi là Cựu Nguyễn (Họ Nguyễn cũ), mà gọi cha con Nguyễn Quang Bình là Tân Nguyễn (Họ Nguyễn mới), cũng gọi là Tây Nguyễn (Nguyễn Tây Sơn). Cựu Nguyễn lấy tiếng phục thù chiếm đô thành cũ là Phú Xuân, lúc ấy là năm Gia Khánh thứ 4 (1799).⁽³⁵⁾

Tháng 11 năm thứ 6 (1801), ngày Tổng binh An Nam Trần Đại Bảo mang gia đình qua đầu hàng nội địa, mới biết việc binh tranh giữa An Nam và Nông Nại.

Tháng 8 năm thứ 7 (1802), Nông Nại đánh chiếm thành Thăng Long, Nguyễn Quang Toàn thua chạy bị bắt. Tháng 8, Nguyễn Phước Ánh trối giải ba người bọn Mạc Quan Phù qua tỉnh Việt, lại hiến những sách phong, ấn vàng của Nguyễn Quang Toàn bắt được lúc đánh Phú Xuân, dâng biểu bày tỏ lòng thành. Bọn Mạc Quan Phù đều là tội phạm của Trung Quốc, được An Nam chiêu dụ về theo, phong là Đông Hải vương và ngụy chức Tổng binh. Vua cho rằng “Trước đây Nguyễn Quang Bình tới cửa khuyết nội phụ, ân lễ đều trọng, Nguyễn Quang Toàn nổi ngôi ở phía nam, lại ban sắc mệnh, là để nối giữ không bị thay thế. Lại chứa gian giảo cướp, gây hại trên biển, phụ ơn cản trở, không gì quá hơn! Vả lại ấn tín là vật rất trọng về danh khí, lại vứt bỏ để chạy trốn, tội không tha được! Hãy sai Tổng đốc Lương Quảng Cát Khánh tới Trấn Nam quan phòng bị biên giới, đợi Nguyễn Phước Ánh chiếm hết toàn cõi An Nam thì tâu lên”.

Tháng 12 Nguyễn Phước Ánh diệt An Nam, sai sứ vào cống, trình bày rõ đầu đuôi việc dấy binh, là để trả thù cho họ Lê tiên thế, lại nói nước ấy vốn là đất Việt Thường thời cổ, nay gồm thu cả An Nam, không quên công ơn nhiều đời giữ đất, xin đặt tên nước là Nam Việt. Vua dụ rằng “Nam Việt bao quát rất rộng, đất Lương Quảng hiện nay cũng nằm trong đó, Nguyễn Phước Ánh có cả An Nam chẳng qua cũng chỉ là đất Giao Chỉ cũ, không được đặt tên nước là Nam Việt”.

* Việt Nam sau khi bị chia cắt thành Đàng Ngoài - Đàng Trong thì tiếng Việt phát triển khác nhau về cả ngữ âm lẫn từ vựng, riêng mảng từ Việt Hán thì người Đàng Ngoài cơ bản vẫn đọc theo âm thời Đường (như Hoàng, Phúc, Vũ...), còn người Đàng Trong do tiếp nhận di dân Trung Quốc từ Hoa Nam tới nhiều hơn nên nhiều khi chịu ảnh hưởng âm đọc thời Minh Thanh (Huỳnh, Phước, Võ...), tóm lại đây là một vấn đề lịch sử ngữ âm ở Trung Quốc chuyển hóa thành một vấn đề phương ngữ ở Việt Nam, rất phức tạp nhưng về tên riêng thì không thể san bằng, ví dụ Võ Tánh không thể đọc là Vũ Tính, Phước An (Biên Hòa) không thể đọc là Phúc Yên... Trường hợp Nguyễn Phúc/Phước là rơi vào tình trạng này. Tôi đã hỏi vài người quen thuộc dòng hoàng tộc, họ đều khẳng định phải đọc là Nguyễn Phước nên cho rằng Nguyễn Phước mới đúng sự thật lịch sử. CTT.

Năm thứ 8 (1803) đổi gọi An Nam là nước Việt Nam.

Tháng 6 sai Án sát sứ Quảng Tây Tề Bồ Sâm qua phong Nguyễn Phước Ánh là Việt Nam quốc vương. Đại thể từ Nguyễn Quang Bình soạn ngôi họ Lê là mười chín năm, lại bị Nguyễn Phước Ánh diệt, trở đi người lo việc chức cống là con cháu Cựu Nguyễn vậy.

Năm thứ 9 (1804) cho những người An Nam được biên chế làm Tá lãnh an trí ở Giang Ninh, Nhiệt Hà, Trương Gia Khẩu, Phụng Thiên, Hắc Long Giang về nước, ban cho tiền bạc khác nhau, lại cho đưa quan tài Lê Duy Kỳ về nước chôn cất.

Năm thứ 11 (1806), Trần mục Hưng Hóa Việt Nam xin lấy sáu mãnh^(*) thuộc phủ Lâm An ngoại phủ, hịch dụ vương tự trừng phạt. Người trong tộc Nguyễn Quang Toàn là Nguyễn Như Quyền chạy qua đầu hàng nội địa, Tổng đốc Lương Quảng Ngô Hùng Quang tâu xin phát giao Nguyễn Phước Ánh. Vua hiềm vì thuộc phiên mà bắt bớ kẻ trốn chạy nên không cho, nhưng cũng không cho lưu lại trong nội địa.

Năm thứ 14 (1809), Nguyễn Phước Ánh sai quan tới Lạng Sơn nộp lại sắc ấn phong cho quốc vương Nam Chương năm Càn Long thứ 60, vua khen ngợi.

Nguyễn Phước Ánh được nước phần nhiều nhờ vào binh lực hai tỉnh Vĩnh Long, Gia Định. Bèn lấy tên hai tỉnh làm niên hiệu, gọi là Gia Long.⁽³⁶⁾ Ở ngôi 17 năm thì chết, con là Phước Hiệu nối ngôi.

Năm Đạo Quang thứ 1 (1821), sứ thần Việt Nam xin đổi đường tiến cống theo đường thủy Quảng Đông, bộ bàn bác đi.

Năm (Gia Khánh) thứ 19 (1814), vua dụ nói nước Việt Nam trước nay hai năm cống một lần, bốn năm sai sứ qua châu một lần, nên hợp hai lần cống làm một, trở đi đổi làm bốn năm sai sứ qua cống một lần, cống vật chiếu theo số hai lần cống giảm bớt một nửa. Phước Hiệu đổi niên hiệu là Minh Mạng, ở ngôi 21 năm. Từng dùng quân đoạt một dải Hà Tiên của nước Cao Man, chia toàn quốc làm ba mươi tỉnh, gồm Phú Xuân là quốc đô, hai tỉnh Quảng Nam Quảng Ngãi làm Hữu kỳ, hai tỉnh Quảng Bình Quảng Trị làm Tả kỳ, chín tỉnh Bình Thuận, Phú Yên, Quảng Hòa, Biên Hòa, Gia Định, An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long, Định Tường làm Nam Kỳ, mười sáu tỉnh Hà Tĩnh, Hải Dương, Quảng Yên, Thanh Hóa, Nghệ An, Nam Định, Quảng Bình, Hưng Yên, Hà Nội, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Sơn Tây, Tuyên Quang, Hưng Hóa làm Bắc Kỳ. Về sau lại vì các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Trị quá nhỏ nên đổi làm đạo,⁽³⁷⁾ cương vực so với các đời là lớn nhất. Duy vùng tây bắc trấn Hưng Hóa phía nam phủ Trấn An Quảng Tây có

* Mãnh: Khu vực cư trú của các dân tộc ít người ở những vùng biên giới xa xôi (mãnh, trại, sách, động), sau được dùng như đơn vị hành chính. CTT.

một nơi gọi là châu Bảo Lạc, tù trưởng họ Nông, là bề tôi cũ nhà Lê, vẫn nhớ vua cũ, không phục vua mới, Việt Nam cũng lấy chế độ ky my đối xử. Con cháu Lê Duy Chỉ trốn qua Lão Qua ở trong núi sâu, thường muốn họp quân phục quốc, đó gọi là hậu duệ vua Lê. Còn lại họ hàng xa của họ Lê thích sinh sự, đều được an trí ở các tỉnh từ Bình Thuận trở về phía nam. Lại chê văn giáo trong nước quê mùa, tâu xin ban phát cho Khang Hy tự điển. Việc lấy kẻ sĩ thì theo chế độ nhà Nguyên, dùng kinh nghĩa thơ phú khảo thí.

Năm Đạo Quang thứ 21 (1841), Nguyễn Phước Hiệu chết, sai sứ báo tin buồn, ban chiếu đình việc tiến cống phương vật, sai Án sát sứ Quảng Tây Bảo Thanh qua phong con là Phước Tuyền làm Việt Nam quốc vương. Phước Tuyền đổi niên hiệu là Thiệu Trị, ở ngôi 7 năm. Năm Đạo Quang thứ 28 (1847) chết, con là Phước Thì nối ngôi. Phàm sứ của triều đình sách phong, các đời đều chỉ làm ở Hà Nội. Hà Nội tức Đông Kinh, nơi nước ấy lấy làm quốc đô. Đến khi Nguyễn Phước Ánh được nước, vì Đông Kinh nhiều phen binh lửa, mà tổ tiên nhiều đời cư trú ở Lĩnh Nam, bèn dời đô về tỉnh Phú Xuân, đổi Đông Kinh làm tỉnh Hà Nội. Sứ phong vương tới nước ấy vẫn theo lệ đóng lại đó. Nguyễn Phước Thì nối ngôi còn nhỏ tuổi, tâu xin thiên sứ tới quốc đô, vì thế Án sát sứ Quảng Tây Lao Sùng Quang tới Phú Xuân sách phong.

Năm thứ 30 (1850), Trịnh Tổ Thám tâu Việt Nam quốc vương Nguyễn Phước Thì nhân trước sau phụng di chiếu của Hiếu Hòa Duệ Hoàng hậu, Tuyên Tông Thành Hoàng hậu, nghĩ xin sai sứ kính cẩn làm lễ dâng hương, cùng dâng hương phẩm tế vật, lại kèm biểu văn, cống vật mừng việc lên ngôi. Vua dụ nói tử cung của Hiếu Hòa Duệ Hoàng hậu, Tuyên Tông Thành Hoàng hậu đều đã phụng dời ra lăng tẩm, ngăn việc từ xa tới dâng hương. Về lễ vật mừng việc lên ngôi, cũng không cho trình tiến.

Năm Hàm Phong thứ 2 (1852) dụ Việt Nam quốc vương Nguyễn Phước Thì lệ cống sang năm hạn đến tháng 5 năm Hàm Phong thứ 3 (1853) phải tới kinh.

Năm thứ 6 (1856) dụ Việt Nam quốc vương Nguyễn Phước Thì tư trình việc lệ cống chính năm Đinh Tỵ lúc nào qua cửa quan cho Lao Sùng Quang tâu lên. Hiện đang dùng quân, các tỉnh chưa yên ổn, lệ cống của nước Việt Nam lần này cho hoãn đến kỳ sau cùng tiến cống một lần.

Năm thứ 8 (1858), Pháp Lan Tây đánh chiếm Sài Gòn của nước Việt Nam. Trước là cuối thời Minh có người Thiên chúa giáo của Pháp Lan Tây tới truyền giáo ở An Nam. Năm Khang Hy thứ 59 (1720) tàu chiến Nga La Địa của Pháp tới Giao Chỉ, có ba sĩ quan lên bờ tới tỉnh Bình Thuận, sĩ nhân trối nộp cho vua. Hạm trưởng bàn với giáo sĩ dùng nhiều tiền chuộc về. Đó là mở đầu việc giao thiệp Pháp Việt.⁽³⁸⁾

Năm Càn Long thứ 14 (1749), vua Pháp Louis XV⁽³⁹⁾ sai Chi Dịch Phổ Na Bột Nhĩ làm Toàn quyền đại thần, tới phủ Thuận Hóa mưu thông thương, quốc vương không cho.⁽⁴⁰⁾

Năm Càn Long thứ 18 (1753), người Việt giết tín đồ Thiên chúa giáo. Năm thứ 51 (1786), nước Việt có nội loạn, Nguyễn Nhạc tự xưng vương, Nguyễn Quang Bình sai con là Cảnh Duệ qua Pháp cầu viện. Năm sau bèn đình ước Pháp Việt đồng minh, cắt cảng Trà Lân thuộc đảo Côn Lôn cho Pháp. Không bao lâu thì hủy ước.⁽⁴¹⁾

Năm Gia Khánh thứ 25 (1820), tàu Pháp tới Việt Nam đo đạc cửa biển, người trong nước khích vua giết người Pháp Định Á Thị.⁽⁴²⁾

Năm Đạo Quang thứ 27 (1847), người Pháp đem tàu chiến tới cảng Trà Lân, đánh bại quân Việt, đến lúc ấy mới tới chiếm Sài Gòn, đô hội lớn nhất Việt Nam.⁽⁴³⁾

Năm Hàm Phong thứ 10 (1860), vua dụ Nội các “Lưu Trường Hựu tâu sập tới kỳ nước Việt Nam vào cổng, nhưng tỉnh Quảng Tây hiện việc quân chưa xong, đường sá không yên ổn, hai kỳ tuế cống năm Đinh Tỵ và Tân Dậu cứ tạm hoãn tiếp”.

Năm Đồng Trị thứ 1 (1862), Napoléon III⁽⁴⁴⁾ nước Pháp đem hải quân đánh Việt Nam, đoạt cảng Trà Lân, đòi cắt ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường ở vùng hạ Giao Chỉ, mở cửa thông thương ở ba cảng, bồi thường hai trăm vạn phát lạng (franc) mới cho hòa. Tỉnh Gia Định tức chỗ Sài Gòn.⁽⁴⁵⁾

Năm thứ 2 (1863), Việt Nam quốc vương Nguyễn Phước Thì nhân phụng di chiếu của Văn Tông Hiến Hoàng hậu, tâu xin sai sứ qua dâng hương, dâng biểu mừng lên ngôi và tiến cống phương vật, từ chối.

Năm thứ 3 (1864), lệ cống năm Ất Sửu và hai kỳ trước của Việt Nam vẫn cho triển hoãn.

Mùa đông năm thứ 6 (1867), thổ phỉ ở hai phủ Thái Bình, Trấn An Quảng Tây nổi lên như ong, bị quan quân đánh bại chạy qua Việt Nam.

Năm thứ 7 (1868) quốc vương tâu xin Tuần phủ Quảng Tây Tô Phượng Văn tâu giúp xin quân giúp đỡ tiêu phạt, vua sai Đề đốc Phùng Tử Tài suất lĩnh ba mươi doanh qua đánh.

Ngày 21 tháng 8 năm thứ 8 (1869), quân Hoa từ Trấn Nam tiến vào. Tháng 8, tù trưởng giặc là Ngô Côn đánh nhau ở Bắc Ninh trúng đạn bị thương, uống thuốc độc tự tử, bọn giặc đều sợ, đại quân tới liền xin hàng. Mùa đông, tù trưởng giặc là Lương Thiên Tích chạy qua Tuyên Quang phía tây, theo đầu sỏ giặc là Hoàng Sùng Anh ở Hà Dương. Năm ấy người Pháp cắt lấy ba tỉnh An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long của Việt Nam, từ đó sáu tỉnh vùng hạ Giao Chỉ đều thuộc về Pháp.⁽⁴⁶⁾

Năm thứ 9 (1870) đầu sở giặc ở Bảo Thắng tỉnh Hưng Hóa là Lưu Vĩnh Phúc, đầu sở giặc ở Tô Nhài tỉnh Thái Nguyên là Đặng Chí Hùng đều tới hàng. Tháng 4 mùa hạ, Hoàng Sùng Anh trốn vào khu vực người Mèo trắng ở châu Bảo Lạc, Đề đốc Phùng Tử Tài rút quân về.

Tháng 7 quân về tới Long Châu, nhưng Hoàng Sùng Anh lại chiếm Hà Dương, Lưu Vĩnh Phúc lại chiếm Bảo Thắng Hưng Hóa, Đặng Chí Hùng lại chiếm Tô Nhài Thái Nguyên.

Tháng 10 giặc đã hàng là Tô Quốc Hán nhân đêm đánh úp thành tỉnh Lạng Sơn, Tổng thống Bắc Kỳ Đoàn Thọ chết trận. Lúc ấy Hậu bổ Quảng Tây Từ Diên Húc nhân việc tới phủ Kỳ Lừa ngoài thành Lạng Sơn, điều binh giúp người Việt đánh thành, nhưng không hạ được.

Tháng 11, tù trưởng giặc là bọn Nguyễn Tứ, Lục Chi Bình, Trương Thập Nhất lại chiếm tỉnh Cao Bằng, vua Việt Nam lại xin ra quân, vua sai Phùng Tử Tài lại đốc suất quân ra cửa ải lần nữa. Tuần phủ Quảng Tây Lý Phúc Thái xin lấy Hậu bổ Quảng Đông Hoa Đình Kiệt biện lý việc quân.

Mùa hạ năm thứ 10 (1871), Phùng Tử Tài đóng quân ở Long Châu. Ngày 21 tháng 4 Tổng binh Lưu Ngọc Thành đốc suất các tướng ra ải tới đóng ở Bắc Ninh. Tháng 9, Tri châu Khâm Châu Trần Mỗ dụ bắt được Tô Quốc Hán, giải tới Tổng đốc Lương Quảng Thụy Linh, giết đi, con là Tô Á Đặng trốn ra biển, chiếm núi Cầu Đầu. Đạo viên Hoa Đình Kiệt trở về Quảng Đông.

Tháng 11 Tuần phủ Quảng Tây Lưu Trường Hựu sai Đạo viên Đàm Viễn Liên suất lãnh mười doanh hương dững lo việc phòng bị biên giới hai phủ Thái Bình, Trấn An, Phùng Tử Tài cũng được điều về phòng bị biên giới.

Tháng 12 quân Hoa sắp rút lui, người Pháp đột nhiên đem tàu chiến tới tỉnh Hà Nội. Quốc vương tư nói Tổng binh Trung Quốc Trần Đắc Quý ra lệnh cho vào. Lưu Trường Hựu theo việc tâu lên, triều đình sai cách chức bắt về hỏi cung. Người Pháp lại chiêu mộ quân lạc ngũ và bọn bắt lương người Trung Quốc ở biên giới Vân Nam tấn công các tỉnh Việt Nam, các bề tôi giữ đất phần nhiều đầu hàng. Đến tỉnh Thái Nguyên, bề tôi giữ đất mời Lưu Vĩnh Phúc tới giúp. Quân Pháp tới, Vĩnh Phúc đặt mai phục đánh bại, bắt được thống súy Garnier,⁽⁴⁷⁾ người Pháp thu quân lui về tỉnh Hà Nội, giảng hòa với quốc vương. Vương sai bề tôi là Nguyễn Văn Tường nghị hòa, người Pháp bèn xây dựng công quán ở Hà Nội, lại đặt trạm thu thuế ở cửa Bạch Đằng.

Lúc trước đầu sở giặc Hoàng Sùng Anh là họ hàng với Ngô Côn, Lưu Vĩnh Phúc cũng là bề đảng của Ngô Côn. Ngô Côn chết, em là Ngô Kinh và cả nhà tự sát. Hoàng Sùng Anh, Lưu Vĩnh Phúc vốn không hòa với nhau, Vĩnh Phúc hàng,

quốc vương Việt Nam trao cho chức Đề đốc ba tỉnh, Hoàng Sùng Anh thì chiếm cứ Hà Dương làm cướp như cũ.

Năm thứ 13 (1874), Lưu Trường Hựu sai Lưu Ngọc Thành đem mười doanh Tả quân, Đạo viên Triệu Ốc đem mười doanh Hữu quân theo phủ Trấn An ra cửa quan đánh Hoàng Sùng Anh.

Năm ấy người Pháp ép quốc vương Việt Nam công bố hai việc Thiên chúa giáo và thông thương trên Sông Hồng, Sông Hồng tức sông Phú Lương. Kế lại lấy danh nghĩa bảo vệ thương nhân, phái quân đóng ở các nơi Hà Nội, Hải Phòng, lại muốn thăm dò các núi có mỏ ở thượng lưu Sông Hồng.

Năm Quang Tự thứ 1 (1875), quân Triệu Ốc chiếm các nơi huyện Đề Định, phủ Tương An, thổ dân và người Mèo trắng châu Bảo Lạc đều xin theo. Sùng Anh đem bộ chúng tới đánh, kẻ trốn chạy. Triệu Ốc đốc suất các quân chiếm sào huyệt cũ ở Hà Dương, bè đảng của giặc là Trần Á Thủy đầu hàng. Tháng 7 bắt được Hoàng Sùng Anh, giết chết.

Năm thứ 2 (1876) ban sư.

Năm thứ 7 (1881) Lưu Trường Hựu đổi làm Tổng đốc Vân Quý, biết người Pháp quyết ý lấy Việt Nam để dòm ngó Điền Việt (Vân Nam), Việt, dâng sớ tâu đại lược rằng “Các tỉnh biên giới là cửa ngõ của Trung Quốc, ngoại phiên là phen giậu của Trung Quốc. Rào giậu mất thì cửa ngõ nguy, cửa ngõ nguy thì phòng sảnh động. Việt Nam là môi răng với Điền Việt. Các nước Thái Tây từ khi thiết lập thương phụ ở Ấn Độ, Singapore, đảo Penan⁽⁴⁸⁾ trở đi, nước Pháp thêm thuồng Việt Nam đã lâu. Mở chợ ở Sài Gòn, giữ chỗ yếu hại, lại thông đồng với giặc dữ Hoàng Sùng Anh, dòm ngó Đông Kinh, họp quân mưu qua Sông Hồng xâm lấn các nơi Lạng Sơn, lại muốn cắt sáu trăm dặm vùng biên giới Việt Nam, Quảng Tây làm chỗ đóng quân. Thần lúc giữ chức Tuần phủ Quảng Tây, tuy quân mỗi lương thiếu cũng lập tức phái quân tướng ra ngoài cửa quan cứu viện. Người Pháp không thích, nói sẽ tố cáo với nhà môn Thông thương, nói thần mang lòng gây họa, có ý phá minh ước. Nhờ Nghị Hoàng đế xét lòng ngu trung của thần, mới được ra quân giúp việc tiểu phạt, trong ngoài giáp kích. Việt Nam chiêu dụng Lưu Vĩnh Phúc, bề gãy được mũi nhọn của tướng Pháp, tù trưởng Phú Lang Sa. Hai quân Quảng Tây, lộ bên trái thì Đề đốc Lưu Ngọc Thành tới Thái Nguyên, Bắc Ninh, lộ bên phải thì Đạo viên Triệu Ốc theo Hưng Hóa, Tuyên Quang chia đánh đảng giặc, thẳng tới An Biên, Hà Dương phá sào huyệt của Sùng Anh, giết kẻ đầu sỏ giặc. Nên quân Pháp im mưu đi, không dám ngang ngược thôn tính, chờ qua mười hai năm. Nhưng thần thường hỏi kỹ tướng ngoài biên, biết người Pháp quyết ý lấy bằng được Việt Nam, đề dòm ngó phía ngoài Điền Việt mà thông đường với Sở (Hồ Nam, Hồ Bắc) Thục (Tứ Xuyên), giao hoạt mưu tính, tai họa liền kề. Lại từ vào thu đến nay, nước Pháp

tăng thêm kinh phí cho quân thủy, Hạ nghị viện nước ấy mượn hai trăm năm mươi vạn franc để kinh lý quân thủy ở vùng biển Đông Dương. Chức khanh hải quân Cách La Ái⁽⁴⁹⁾ gấp rút lo tính việc quân ở Đông Kinh, đợi xong vụ Tunisi⁽⁵⁰⁾ sẽ lập tức tiến hành, thăm than người Pháp quả thật chứa ý ngấm mưu, tham lợi bỏ ước vạy. Trộm nghe người mưu tính là Bá Lăng Thủ Bàn,⁽⁵¹⁾ làm ở Ty Tuần kiểm Sài Gòn Việt Nam. Sau khi mở thương phụ, chiêu mộ Thổ Di, Khách nhân đông tới hàng trăm vạn, lòng dân dần theo, vật sản ngày càng nhiều. Ở Campuchia⁽⁵²⁾ cũng chiêu mộ người buôn, cũng hơn trăm vạn. Chở gạo ra biển mỗi năm có tới hàng trăm vạn thạch, tiền thuế hàng năm đưa vào kho Sài Gòn là hai trăm năm mươi vạn franc. Campuchia vốn hoang vu, mở thành đường sá, đường xe ngay ngắn, vét sông làm cầu, người Campuchia cảm ân đức nước Pháp, đến nỗi cam đem sáu trăm vạn dân hiến đất quy phụ, nên Bá Lăng Thủ Bàn báo tình hình Việt Nam lên Tổng thống. Ở một dải sông Phú Lương Pháp đã giong tàu mở chợ, bàn ngược lên sông Lan Thương buôn bán với Trung Quốc, kết minh với các di Do Phươg để dòm ngó biên giới Điền Việt, làm đường sắt từ Sài Gòn lên Campuchia để tránh đi vòng đường biển, lại thêm dân phản ở Campuchia, thế ắt không xô đổ được. Năm Đồng Trị thứ 13 (1874), Đề đốc Pháp chỉ bắn vài phát pháo thị uy mà ba tỉnh miền Tây đã rơi vào tay người Pháp,⁽⁵³⁾ mà Hồng Hải thông thuyền,⁽⁵⁴⁾ đất hiểm đã mất. Hòa ước đã lập duy không chịu giao Đông Kinh, thế nước cheo leo, cựa đó làm thế ỷ giắc. Nếu lại mất Đông Kinh, thì không thể dùng hết binh lực giữ lấy Phú Xuân, đã không thể tự lập rồi. Thần cho rằng người Pháp làm như thế, ý là muốn nuốt toàn cõi. Sau khi được rồi, ắt xin lập Lãnh sự ở các nơi Mông Tự để tìm cái lợi mỏ vàng mỏ thiếc trong núi, hoặc lấy đường Xuyên Thục để thông với Trường Giang ra biển, chiếm cứ thượng du các cửa khẩu thông thương với các nước. Huống hồ Điền Nam từ đời Đồng Trị trở về sau, bình định giặc Hồi nhưng bọn dư đảng kiệt hiệt hoặc còn trốn núp ở vùng sơn cốc Việt Nam, hoặc tới các thương phụ của người Tây Dương theo người Pháp, quân tình hư thực, tình hình biên giới đều bị tiết lộ, nên thỉnh thoảng có người Di theo sông Lan Thương vào tỉnh Điền để xem hình thế. Nếu người Pháp chiếm Việt Nam, đảng nghịch ắt lại dẫn đường cho giặc bên trong thực hiện mưu đồ quay lại cản trở. Thần giữ việc biên phòng, tình hình xa gần của giặc bên ngoài không dám biết mà không tâu lên”. Tờ tâu dâng vào, không được trả lời.

Lúc ấy sứ thần ở Anh Pháp là Tăng Kỷ Trạch đem việc Việt Nam cật vấn triều đình nước Pháp, Tuần phủ Phúc Kiến Đinh Nhật Thăng cũng dâng sớ báo về tình hình Pháp Việt. Vua sai Bắc Dương đại thần Lý Hồng Chương bàn bạc trừ biện, lại ban dụ sai Tổng đốc Tuần phủ các tỉnh dọc Trường Giang và ven biển bí mật trừ biện. Tháng 2 năm thứ 8 (1882), người Pháp đem tàu chiến từ Sài Gòn tới Hải Dương, mưu lấy Đông Kinh, Tổng đốc Trực Lệ Trương Thụ Thanh đem việc tâu lên, vua dụ Tổng đốc tỉnh Điền xem thời cơ mà xử sự.

Tháng 3 đổi Tăng Quốc Thuyên làm Tổng đốc Lương Quảng.

Pháp đánh Đông Kinh, hạ được. Trương Thụ Thanh tâu xin sai quân Điền, Việt nghiêm thủ ngoài thành, lấy tiếng tiểu phạt thổ phỉ tìm cách tiến tới, lại sai quân hạm ở Quảng Đông ra biển làm thanh viện từ xa.

Tháng 5, Tổng đốc tỉnh Điền Lưu Trường Hựu sai Đạo viên Thẩm Thọ Dung mang quân ta cỡi, cùng quan quân Quảng Tây liên lạc thanh thế, bảo hộ Việt Nam. Lại tâu nói “Nghe ngóng được rằng người Pháp hạ Đông Kinh xong thì lui xuống tàu chiến, hàng ngoài thêm quân, chiêu mộ bọn cướp, treo giải thưởng một vạn đồng cho ai bắt được Lưu Vĩnh Phúc, mười vạn đồng cho ai chiếm được châu Bảo Thắng. Lại sau khi hạ thành Lãnh sự Pháp vào chiếm nha môn Thương chính, ra cáo thị cho các thương nhân nói thuế hàng hóa xuất nhập đã có chương trình khác, hiện vẫn điều động lực quân đóng gáp thuyền bè để làm kế lên tây đánh lấy Bảo Thắng. Quốc vương Việt Nam phái Thị lang Bộ Binh Trần Đình Túc tiếp nhận chức Tuần phủ Hà Nội, sai Thượng thư Bộ Lại Nguyễn Chánh tới Sơn Tây cùng Hoàng Tá Viêm bàn bạc kế sách chống địch. Tuần phủ, Bộ chánh, Án sát các tỉnh có quá nửa xin cùng Hoàng Tá Viêm, Lưu Vĩnh Phúc quyết một trận tử chiến. Sau đó Thống lĩnh phòng quân là Đề đốc Hoàng Quế Lan báo nói Lưu Vĩnh Phúc tới Sơn Tây, trên đường qua ngang Lạng Sơn tới gặp. Lúc ấy lấy trung nghĩa hiểu dụ, Vĩnh Phúc cảm kích hăng hái, theo lời thì đã chia quân tới Bắc Bình giúp giữ Bảo Thắng, muôn ngàn lần không để quân Pháp đắc ý, nhưng binh lực không đủ, xin thiên triều giúp đỡ. Lúc ấy thám báo ở Hà Nội nói người Pháp sợ viện binh bất ngờ kéo tới nên thả Tuần phủ Hà Nội đã bị bắt⁽⁵⁵⁾ ra, giao trả thành trì kho tàng. Tuần phủ không chịu, nói người Pháp trái ước dùng quân, lấy cái chết để thề, bèn chuyển giao cho Án sát sứ. Tổng thất Nguyễn Bá⁽⁵⁶⁾ lại lấy thuốc súng phá hủy Đông Kinh, để người Việt Nam không trở lại nữa, lại bớt được việc chia quân đóng giữ.⁽⁵⁷⁾ Tàu máy hoặc xuống Hải Dương phía đông, hoặc chia ra tới Quảng Nam, Sài Gòn, chờ thêm quân đông đủ sẽ lên thượng du. Lại điều tra được người Pháp đốt cướp Đông Kinh, giảo quyết khôn lường, các bề tôi người Việt Nam quyết kế chủ chiến. Sơn Tây là đất quan trọng thông với Vân Nam, quân Việt Nam có thể hết sức chống giữ, việc biên phòng ở Điền Việt được giữ vững thì đại cục của Việt Nam còn có thể chấn hưng. Mà Tổng đốc Quảng Đông và Tổng thư bàn bạc cho rằng nếu theo kế sách dồn binh lực của ba tỉnh Điền, Việt, Quế vào cả Bắc Kỳ, lại càng có thể thừa thế tính sớm, để tránh sự dòm ngó. Nhưng Việt Nam chịu sự kiểm chế của người Pháp đã lâu, lòng người khiếp nhược, lần này ở Sơn Tây quyết chiến, tính là ắt thắng, nhưng nếu hơi có chút thất bại, thì đại cục thế nào thật không dám nghĩ tới nữa. Đại khái nếu Sơn Tây có thất lợi thì người Pháp sẽ vào cửa Tam Giang phía tây, không những Bảo Thắng không thể cản trở nữa mà tỉnh Điền từ sông Hà Đê trở xuống đều phải từng bước từng bước bố trí phòng bị, càng thêm một nhọc tổn

kém. Lấy tình thế sự cơ mà bàn thì Trung Quốc rất khó ngồi yên mà nhìn, nhưng cũng không thể chờ Sơn Tây có thất lợi để sau khi chuyện đã xảy ra mới giúp”. Vua bèn triệu Lưu Trường Hựu vào bộ kiến, lấy Sầm Dục Anh làm Thự lý Tổng đốc Vân Nam.

Lưu Vĩnh Phúc là người Ân Châu Quảng Tây. Trong niên hiệu Hàm Phong Quảng Tây loạn lạc, Vĩnh Phúc suất lĩnh 300 người ra Trấn Nam quan. Lúc ấy người tỉnh Việt Hà Quân Xương chiếm cứ Bảo Thắng, Vĩnh Phúc đuổi đi, chiếm cứ Bảo Thắng, bộ thuộc đều giương cờ đen, nên gọi là quân Cờ đen. Vĩnh Phúc đã lập công, Việt Nam trao cho chức Đề đốc ba tỉnh, thường tự lo quân lương khí giới tiểu phi, nhưng Hoàng Tá Viêm đều im đi không tâu lên, bề tôi Việt Nam cũng nhiều người đổ kỵ, nên Vĩnh Phúc mang lòng oán hận Tá Viêm. Tá Viêm là Phò mã của Việt Nam, lấy hàm Đại học sĩ làm Đốc sứ, Tổng đốc Tuần phủ đều chịu tiết chế, lúc Phùng Tử Tài làm Đề đốc Quảng Tây, Tá Viêm vì việc tới gặp, Tử Tài ngồi trên tướng đài sai làm lễ ba lần quỳ chín lần khấu đầu, Tá Viêm cảm hận thấu xương. Nước Việt Nam tai nạn đã sâu, quốc vương Nguyễn Phước Thi cực kỳ phần hận quyết chiến, quở trách sai Tá Viêm đốc thúc Vĩnh Phúc ra quân, nhưng điều động sáu lần không tới. Quân Pháp úy kỵ Vĩnh Phúc, nên quốc vương Việt Nam thủy chung vẫn ý trọng tin dùng.

Trước là Lưu Trường Hựu sai Phiên ty Đường Quýnh đem bộ chúng cũ đóng đồn ở Bảo Thắng, sai Đề đốc Hoàng Đắc Thắng coi hết việc binh phòng Khâm Châu, Đề đốc Ngô Toàn Mỹ suất lĩnh tám chiếc thuyền chiến phòng bị Bắc Hải, Đề đốc phòng quân Quảng Tây Hoàng Quế Lan, Đạo viên Triệu Ốc nổi nhau ra cửa quan, đó gọi là ba tỉnh cùng trừ liệu Bắc Kỳ. Lúc ấy Pháp muốn Trung Quốc họp bàn về chuyện Việt Nam, sai các tỉnh Điền Việt bàn bạc chuẩn bị. Sứ Pháp Bourée⁽⁵⁸⁾ tới Thiên Tân, sai Bắc Dương đại thần hội thương các việc phân chia ranh giới và thông thương với Việt Nam. Chủ sự Bộ Lại Đường Cảnh Tung tình nguyện qua Việt Nam chiêu dụ Lưu Vĩnh Phúc, vua sai giao cho Sầm Dục Anh ở Vân Nam sai phái.

Tháng 1 năm thứ 9 (1883) Cảnh Tung tới tỉnh Điền qua Việt Nam, đầu tiên tới Quảng Đông, ra mắt Tăng Quốc Thuyên, nói việc hòa nghị là đúng, được tư cho vào Việt Nam. Khi gặp Vĩnh Phúc, Cảnh Tung đưa ra ba kế sách, nói “Việt Nam bị Pháp bức bách, mất nước chỉ là chuyện trong sớm tối, rất nên nhân việc Bảo Thắng truyền hịch để định các tỉnh, xin mệnh với Trung Quốc, lấy đó làm danh nghĩa, việc thành ắt làm vua Việt Nam, đó là thượng sách. Hai là đem toàn quân đánh Hà Nội, đuổi người Pháp đi, Trung Quốc ắt sẽ giúp quân lương, đó là trung sách. Còn nếu ngồi giữ Bảo Thắng, thất bại về hàng Trung Quốc, đó là hạ sách”. Vĩnh Phúc nói “Tôi sức không đủ theo thượng sách, cố theo trung sách vậy”.

Tháng 3 quân Pháp hạ Nam Định. Vua dụ sai Bồ chánh sứ Quảng Tây Từ Diên Húc ra cửa quan hội thương, Hoàng Quế Lan và Triệu Ốc đóng lại lo việc phòng bị. Lý Hồng Chương về nhà chịu tang, đoạt tình^(*) sai quay lại làm Bắc Dương đại thần, nhưng Hồng Chương ra sức từ chối. Đến lúc ấy sai Hồng Chương tới Quảng Đông đốc suất biện lý việc Việt Nam, quân trú phòng ở ba tỉnh Việt, Điền, Quế đều quy về tiết chế. Hồng Chương xin tới Thượng Hải nắm việc trừ biện toàn cục. Sứ Pháp Bảo Hải ở Thiên Tân bàn bạc hòa ước lâu không có kết quả, được điều về nước, lấy Tham tán Tạ Mẫn Lộc thay.

Lưu Vĩnh Phúc đánh nhau với quân Pháp ở Cầu Giấy⁽⁵⁹⁾ Hà Nội, đại phá quân Pháp, chém tướng Pháp Rivière⁽⁶⁰⁾ trên trận. Quốc vương Việt Nam phong Vĩnh Phúc tước nam Nhất đẳng. Từ Diên Húc tâu xin lưu lại Đường Cảnh Tung ở phòng doanh để sai phái, lại tâu chiến công của Vĩnh Phúc lên.

Vua giục Lý Hồng Chương quay lại giữ chức Bắc Dương đại thần, lại hỏi tình hình sứ Pháp Thoát Lợi Cổ⁽⁶¹⁾ tới đất Hộ (Thượng Hải), sai Hồng Chương định ngày bàn bạc. Thoát Lợi Cổ hỏi Hồng Chương “Có giúp Việt Nam không?”, Hồng Chương vẫn đáp để phòng thủ biên giới, tiêu trừ giặc cướp, nhưng quân Pháp đã chuyển qua tấn công quốc đô Thuận Hóa, bức bách Việt Nam bàn bạc hòa ước. Hồng Chương bàn bạc với sứ Pháp mới là Đức Lý⁽⁶²⁾ không xong, quân Pháp phao tin sẽ phạm vào tỉnh Việt, Quảng Đông giới nghiêm. Tổng thự gửi thư cho sứ Pháp nói “Việt Nam từ lâu đã xếp vào nước phiên phong, từng được Trung Quốc dùng quân tiêu phi, ra sức bảo vệ. Nay người Pháp xâm lấn không thôi, há có thể coi thường? Nếu lại xâm lấn vào nơi quân ta đóng đồn, thì chỉ có quyết chiến chứ không thể ngồi nhìn”. Vua sai Từ Diên Húc sức cho Lưu Vĩnh Phúc tìm cách thu phục Hà Nội, nếu quân Pháp phạm vào Bắc Ninh, lập tức sai nghênh chiến. Sai Tổng đốc tỉnh Điền thêm quân phòng bị biên giới, Đường Quýnh mau lẹ tới nơi chuẩn bị, lại giúp đỡ quân lương cho Vĩnh Phúc. Kế sai Sầm Dục Anh ra cửa quan làm Đốc sứ.

Quân Pháp hạ tỉnh thành Sơn Tây Việt Nam, tình thế tỉnh Việt càng căng thẳng, lấy Bành Ngọc Lân làm Khâm sai đại thần đốc suất quân tỉnh Việt. Bành Ngọc Lân tâu “Người Pháp ép Việt Nam lập hòa ước, muốn Trung Quốc không can dự vào vùng đất phía nam Sông Hồng và ưng thuận thông thương ở huyện Mông Tự Vân Nam, rõ ràng muốn tính biên giới tỉnh Điền của ta, độc chiếm mỗi lợi các mỏ kim loại. Không chỉ biên giới Điền Việt không thể lơ là mà cả Quảng Đông, Thiên Tân cũng phải phòng bị”. Lúc ấy quốc vương Việt Nam Nguyễn Phúc Thi chết, không có con, lấy em họ nối ngôi.⁽⁶³⁾ Người Pháp nhân lúc Việt Nam mới có

* Chỉ việc triều đình buộc Lý Hồng Chương tiếp tục đảm đương công vụ, không cho nghỉ tang cha mẹ theo lễ chế (thường là 3 năm). CTT.

tang, đem tàu chiến đánh cửa biển Thuận Hóa, vào chiếm đô thành. Vua mới của Việt Nam ở ngôi một tháng, Phụ chính Nguyễn Thuyết⁽⁶⁴⁾ tâu với Thái phi⁽⁶⁵⁾ phế đi, đổi lập Nguyễn Phước Thắng.⁽⁶⁶⁾ Đến lúc ấy xin hàng với Pháp, lập hòa ước gồm 27 điều, điều đầu tiên nói Trung Quốc không được can thiệp vào việc Việt Nam, ngoài ra quyền chính trị kinh tế đều quy về người Pháp,⁽⁶⁷⁾ ép quốc vương dụ các tướng lui quân, nhấn mạnh việc đuổi Lưu Vĩnh Phúc về Trung Quốc.

Tuần phủ tỉnh Điện Đường Quýnh nhiều lần giục Vĩnh Phúc rút quân, Vĩnh Phúc muốn lui giữ Bảo Thắng, tướng sĩ Cờ đen đều tức giận. Phó tướng Hoàng Thủ Trung nói “Ông cứ lui về Bảo Thắng, xin giao toàn quân cho tôi giữ Sơn Tây, nếu có công thì quy về ông, nếu có tội thì quy về mặt tướng”, Vĩnh Phúc bèn không nói chuyện lui quân nữa. Từ Diên Húc tâu nói “Người Việt Nam thắng thốt nghị hòa, có người nói vì vua cũ chưa chôn nên chỉ quyền nghi trước mắt, có người nói vì việc phế lập do cái họa bê đảng của đình thần gây ra. Vừa nhận được bản sao hòa ước của bọn bê tôi Việt Nam là Hoàng Tá Viêm, quả thật Việt Nam đã không thể giữ được xã tắc nữa, thì Trung Quốc lấy gì mà giữ vững phen giậu? Bê tôi Việt Nam cứ muốn chôn cất vua cũ xong sẽ lật lại chuyện này, xin đừng triệt binh. Lưu Vĩnh Phúc vẫn giữ Sơn Tây, tự vương Nguyễn Phước Thắng nối ngôi, có bẩm báo tin buồn, lại xin chuẩn cho sai sứ tới cửa khuyết xin phong. Nhưng Việt Nam lòng người tan rã, có thể tự lập hay không vẫn chưa biết được”. Lại gửi bản sao Hòa ước Pháp Việt 27 điều và tờ bẩm của bọn tôi Việt Nam là Hoàng Tá Viêm cho Quân cơ xứ.

Tổng đốc Lương Giang Tả Tông Đường xin sức cho Phiên ty trước là Vương Đức Bạng mộ hương dũng tới biên giới tỉnh Quế đóng giữ những nơi hiểm yếu.

Tháng 11, người Pháp hạ thành Hưng Yên, bắt Tuần phủ, Bố chánh, Án sát về Hà Nội bắn chết. Lại tiến đánh Sơn Tây, hạ được thành, Lưu đoàn tan vỡ, Vĩnh Phúc lui giữ thành Hưng Hóa.

Tháng 12, tự vương Nguyễn Phước Thắng chết đột ngột, có người nói bị người Pháp bức phải tự sát, người trong nước lập con kế tự thứ ba của vua trước Nguyễn Phước Thì làm vua, là con của Phụ chính Nguyễn Thuyết.⁽⁶⁸⁾ Từ Diên Húc tâu báo tỉnh Sơn Tây thất thủ, Bắc Ninh quyết không có mối lo nào khác hơn, vua quả là khoa trương.

Năm thứ 10 (1884), Đường Cảnh Tung ở Bảo Thắng dâng thư cho Khu phủ, nói “Quân ở hai tỉnh Điện Quế thỉnh thoảng có văn thư qua lại, ngày tháng rất chậm trễ, thanh thế quả thật khó mà liên lạc. Việt Nam trong vòng nửa năm đã có ba vua được lập, quan dân nhốn nhác, giống như không có chủ. Muốn vun đắp gốc rễ để dứt nguồn loạn, không gì bằng sai quân vào thẳng Thuận Hóa giúp đỡ vua nhỏ để định lòng người mà diệt đảng giặc, lừa địch ngõ hầu giảm bớt, việc quân

cũng dễ trở tay. Nếu không muốn tính kế vì phiên phục thì ta không ngại gì thắng tay lấy luôn các tỉnh ven biển Bắc Kỳ, để khỏi phải ngồi nhìn bị mất về tay người ngoài. Nếu không thì Đầu chuột hai chia,^(*) chưa từng không rơi vào chỗ thất bại”.

Lưu Vĩnh Phúc yết kiến Sầm Dục Anh ở cửa ải Gia Dự, Dục Anh cực kỳ kính lễ, phiên chế quân ấy thành mười hai doanh. Quân Pháp sắp đánh Bắc Ninh, Dục Anh sai Cảnh Phúc suất lĩnh toàn quân của Vĩnh Phúc tới cứu viện. Lúc Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc quân tỉnh Quế vừa tới giữ Bắc Ninh, Sơn Tây bị vây mà bọn Quế Lan ngồi nhìn không cứu, Vĩnh Phúc rất oán hận, Cảnh Phúc ra sức khuyên giải mới chịu đi.

Tháng 2, quân Pháp đánh Phù Lương, Tổng binh Trần Đắc Quý xin cứu viện, lúc quân Bắc Ninh tới thì quân Phù Lương đã tan nát, quân Pháp đánh ép vào Bắc Ninh, Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc thua chạy về Thái Nguyên, Lưu Vĩnh Phúc cũng ngồi nhìn không cứu. Từ Diên Húc già bệnh, vốn có tình nghĩa cũ với Triệu Ốc nên rất tin tưởng. Triệu Ốc tầm thường nhút nhát, bộ tướng là Đảng Mẫn Tuyên gian trá, lừa dối qua mắt Diên Húc. Lúc địch phạm vào Bắc Ninh, Mẫn Tuyên trốn trước. Trần Đắc Quý là bộ thuộc cũ của Phùng Tử Tài, kiêu dũng thiện chiến, Tử Tài từng hặc Diên Húc nên Diên Húc oán hận, oán lây cả Đắc Quý. Đến khi Bắc Ninh bị hãm, bèn tâu xin giết, Mẫn Tuyên cũng bị chính pháp. Diên Húc điều động thất nghi, vua sai cách chức lưu nhiệm.

Tháng 3, sai Tuần phủ Hồ Nam Phan Đình Tân biện lý quân vụ Quảng Tây ngoài cửa quan tiếp nhận thống lĩnh quân của Từ Diên Húc, Hoàng Quế Lan sợ tội uống thuốc độc tự tử. Vua dụ “Từ Diên Húc giữ lý ở Lạng Sơn, chỉ sai Đề đốc Hoàng Quế Lan, Đạo viên Triệu Ốc đóng giữ Bắc Ninh, gặp địch thì tan vỡ trước, rất đáng đau xót! Từ Diên Húc cách chức bắt về tra hỏi, tình hình Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc thua trận giao cho Phan Đình Tân tra biện”.

Lấy Vương Đức Bạng thự lý Đề đốc Quảng Tây, Đức Bạng từ chối không nhận, Đường Quýnh cách chức bắt về tra hỏi, lấy Trương Khải Tung làm Tuần phủ Vân Nam. Sau trận thua ở Bắc Ninh, Từ Diên Húc dùng Đường Cảnh Tung thu thập tàn quân, nêu rõ ước thúc. Lúc ấy Đường Nhân Liêm thự lý Đề đốc Quảng Tây.

Quân Pháp từ Bắc Ninh tiến chiếm Hưng Hóa, lại đem tám chiếc tàu chiến tới biển Trung Quốc, dòm ngó Hạ Môn và cửa Ngô Tùng Thượng Hải, vùng duyên hải giới nghiêm, lúc ấy Trung Pháp bắt đầu nghị hòa.

Tháng 4 Lý Hồng Chương và Tổng binh Pháp Phú Lộc Nặc⁽⁶⁹⁾ thỏa thuận điều ước ở Thiên Tân, có dụ sai phòng doanh Điền Quế đợi lệnh tiến thoái. Kế

* Đầu chuột hai chia: Thử thủ lưỡng đoan, thành ngữ chữ Hán, chỉ sự do dự vừa muốn cái này vừa muốn cái khác. CTT.

Hồng Chương tâu báo về năm khoản điều ước, nói “Bắc Kỳ tiếp giáp với biên giới phía nam Trung Quốc, cứ để nước Pháp bảo hộ, không sợ xâm chiếm. Trung Quốc nên ưng thuận cho người Việt Nam và người Pháp vận chuyển mua bán hàng hóa ở những chỗ Bắc Kỳ tiếp giáp với biên giới, sắp tới Pháp và Việt Nam sẽ thay đổi hòa ước, quyết không đưa vào những lời lẽ làm tổn thương thể diện của Trung Quốc”. Triều đình có chỉ ưng thuận, giao cho Hồng Chương toàn quyền ký tên đóng ấn. Kế đó công sứ Pháp cất vấn về việc bản rút gọn hòa ước chữ Pháp và chữ Hán không khớp nhau, vua quở trách Hồng Chương biện lý hàm hồ, dư luận đều nhắm vào Hồng Chương, chỉ trích là “thông đồng với người Di”. Sứ Pháp đã tìm cơ phế bỏ hòa ước, vua sai ngoài cửa quan chỉnh đốn quân đội đề phòng nghiêm ngặt, nếu họ lại muốn xâm phạm, sẽ lập tức giao chiến.

Sai Sầm Dục Anh sức cho Lưu Vĩnh Phúc mang bộ chúng theo về. Phan Đình Tân nói “Quân Pháp chia đường định phạm hai chỗ Cốc Tùng, Đồn Mai, quân tỉnh Quế khí giới ít ỏi lương thực thiếu thốn, e không cậy được”. Vua cho rằng là vẽ vờ đồ lỗi, quở trách. Quân Pháp muốn tuần tiễu Lạng Sơn, tới cầu Quan Âm, quân tỉnh Quế ngăn lại không cho vào cõi. Tướng Pháp ăn nói bừa bãi, bèn đánh nhau, thắng được. Tâu về, dụ sai tiến lấy Bắc Ninh, trách sứ Pháp là nỏ súng trước, phải bồi thường. Ra lệnh báo với Bộ Ngoại giao Pháp ngăn trở quân Pháp, lại dụ quân ta “Nếu họ không tới xâm phạm, không nên đánh trước”. Sứ Pháp lại xin tiếp tục nghị hòa, vua sai quân tỉnh Quế rút về Lạng Sơn, quân tỉnh Diên rút về Bảo Thắng, không được khinh suất gây hấn.

Tướng Pháp Courbet⁽⁷⁰⁾ muốn dùng tàu chiến quấy nhiễu bờ biển, sứ Pháp Ba Đức Nặc dùng dăng ở Thượng Hải, không muốn tới Thiên Tân, bèn đổi sai Tăng Quốc Thuyên làm Toàn quyền đại thần, Trần Bảo Thám làm Hội biện, Thiều Hữu Liêm, Lưu Lân Tường cùng theo biện lý. Lời dụ nói “Các khoản bồi thường chiến phí và tiền tuất muôn ngàn lần không thể ưng thuận. Việt Nam phải là nước phiên thần như cũ. Việc cánh quân của Lưu Vĩnh Phúc, nếu họ nhắc tới, phải do ta xử trí. Ranh giới phải ở khoảnh đất trống ngoài cửa quan để làm vọng gác. Chỗ thông thương với Vân Nam phải đặt ở Bảo Thắng, thuế quan không được rút quá 5%”.

Tháng 6, tướng Pháp Courbet đem tám tàu chiến dòm ngó vùng biển tỉnh Vân, muốn chiếm đất để ra giá, ép Trung Quốc nghị hòa. Hà Cảnh, Trương Bội Luân đem việc tâu lên. Tàu Pháp tấn công pháo đài Cơ Long ở Đài Loan, Tuần phủ Đài Loan Lưu Minh Truyền chống giữ. Tăng Quốc Thuyên, Trần Bảo Thám bàn bạc hòa ước ở Thượng Hải, Quốc Thuyên đồng ý cấp năm mươi vạn tiền tuất, phụng chỉ khiển trách. Hòa ước bàn mãi không xong, bèn quyết ý chủ chiến. Dụ Sầm Dục Anh sai Lưu Vĩnh Phúc tiến quân trước, thu lại Bắc Kỳ, các quân Sầm Dục Anh, Phan Đình Tân trong cửa quan nối nhau xuất phát. Vì người Pháp không hòa, nên không cho các nước biết.

Tháng 7, công sứ Pháp Tạ Mãn Lộc⁽⁷¹⁾ hạ cờ rời kinh, vua tuyên dụ nói “Việt Nam là nước phong công của ta, đã hơn hai trăm năm, việc chép trong sử sách, Trung ngoại đều biết. Người Pháp trước tiên chiếm cứ các tỉnh Nam Kỳ, kể lại tiền lấy Hà Nội, giết chóc nhân dân, thu lợi đất đai, cướp đoạt thuế má. Việt Nam khiếp nhược riêng lập hòa ước, hoàn toàn chưa tâu lên, vẫn hỏi không kịp. Việt Nam cũng có tội, chuyện ấy cứ tạm khoan dung, không cần hỏi nhiều. Năm Quang Tự thứ 8 (1882), sứ Pháp Bảo Hải ký hòa ước ba điều với Lý Hồng Chương ở Thiên Tân, nên cùng nha môn Tổng lý các quốc sự vụ bàn bạc cho ổn thỏa, người Pháp lại tráo trở rút sứ thần về. Các tỉnh Bắc Ninh, Sơn Tây, quân ta đóng ở đó đánh dẹp giặc cướp, bảo hộ phiên thuộc, cùng quân Pháp tuyệt không liên can. Tháng 2 năm nay quân Pháp lại tới xâm phạm, đã từng xuống chỉ tuyên thị, đang định phái quân tới đánh, chợt thấy Tổng binh Phú Lộc Nặc nước ấy xin nghị hòa. Lúc ấy nước Pháp vì việc Ai Cập đang gặp nguy hiểm, Trung Quốc biết rõ là vì tình thế bức bách, vốn có thể thẳng thắn cự tuyệt, nhưng vẫn tỏ ra đại độ, cho được nghị hòa, đặc biệt sai Lý Hồng Chương cùng bàn bạc hòa ước vẫn tất năm điều, đều cùng ký tên đóng dấu. Các quân Lạng Sơn, Bảo Thắng phải theo hòa nghị đã định sau ba tháng rút về, đã dụ sức cho phòng quân các nơi chệt cứng chỗ cũ, không cho khinh động gây hấn. Tướng sĩ các quân phụng chỉ rất nghiêm. Nhưng quân Pháp không tuân thủ hòa ước đã định, ngày 1 ngày 2 tháng 5 nhuận lại lấy tiếng tuần tiễu đánh vào phòng doanh Lạng Sơn, nổ pháo gây chuyện trước, quân ta mới bắt đầu tiếp chiến, đôi bên đều có thương vong. Người Pháp làm trái điều ước, bỗng dưng gây hấn, vốn phải lấy can qua làm việc. Vì nghĩ tới đã ký hòa ước thông hiếu hơn hai mươi năm, cũng không cần vì thế mà bỏ hết chuyện ngày trước, nên chuẩn cho nha môn Tổng lý các quốc sự vụ gửi chiếu hội qua lại với sứ Pháp ở kinh, lấy tình lý hiểu dụ tới hai ba lần. Ngày 24 tháng 5 nhuận lại ban rõ dụ chỉ chiếu hòa ước triệt binh để bảo toàn hòa cục, quả thật đã hết nhân tron nghĩa. Người Pháp lại thủy chung vẫn cậy mạnh ra vẻ, ngang ngạnh đòi trả chiến phí, ngông cuồng muốn hiếp đáp, ngày 15 tháng 10 lại đánh chiếm pháo đài núi Cơ Long ở Đài Bắc, bị Lưu Minh Truyền đánh bại. Ngày 3 tháng này bọn Hà Cảnh mới nhận được lời tuyên chiến của Lãnh sự nhưng người Pháp đã từ Mã Vỹ tấn công trước, phá hủy thuyền buôn thuyền quân. Tuy quan quân đã đốt cháy tàu Pháp, phá hỏng tàu chiến, lại trên trận giết chết quan binh người Pháp, nhưng vẫn chưa ra tay trừng trị. Nếu còn nín nhịn bao dung thì lấy gì tỏ với công luận mà thuận theo lòng người? Sẽ vạch trần những tình tiết vô lý ấy để bố cáo cho thiên hạ đây”.

Tháng 8 truyền dụ cho Sầm Dục Anh đốc suất Lưu Vĩnh Phúc và các phòng doanh chiếm lại Bắc Kỳ, lại sai Phan Đình Tân sức các quân liên lạc thanh thế, chia đường cùng tiến. Đề đốc Tô Nguyên Xuân đánh nhau với quân Pháp ở huyện Lục Ngạn, thắng trận.

Tháng 10 Nội các học sĩ Tô Đình Nhuận tâu “Quan quân tiến lấy Việt Nam, nên dùng chính binh giữ chân quân Pháp ở Hà Nội, dùng riêng kỳ binh từ Xa Ly qua Lão Qua, tới Ai Lao để đánh úp Thuận Hóa, nếu dùng được sĩ nhân ở biên giới tỉnh Điện ất sẽ đắc lực”, được chỉ giao cho Tổng đốc tỉnh Điện xét kỹ tính toán. Tháng ấy Tô Nguyên Xuân đánh nhau với quân Pháp ở xã Chỉ Tác, trên trận chém chết bốn người.

Tháng 11 quân Vương Đức Bạng thua lớn ở Phong Cốc, Tô Nguyên Xuân không tới cứu viện, quân Đường Cảnh Tung và Lưu Vĩnh Phúc, Đinh Hòe đánh Tuyên Quang, ra sức đánh nhau đại thắng, ban chiếu khen ngợi.

Ngày 9 tháng 12 quân Pháp đánh Cốc Tùng, Vương Đức Bạng vì trận thua ở Phong Cốc oán quân Tô không cứu, đến lúc ấy cũng không tới cứu viện, quân Tô thua lui về giữ chặt Uy Pha, Lạng Sơn. Vua sai Phùng Tử Tài làm Bang biện quân vụ Quảng Tây ngoài cửa quan. Ngày 29 quân Pháp đánh chiếm được Lạng Sơn, bọn Phan Đình Tân lui giữ Trấn Nam quan, Long Châu rung động. Bọn Đường Cảnh Tung và Lưu Vĩnh Phúc, Đinh Hòe đánh Tuyên Quang, hơn một tháng không hạ được. Lạng Sơn thất thủ, Sầm Dục Anh lo bọn Cảnh Tung bị cắt đường hậu viện, ra lệnh dùng liều mạng đánh một tiếng bạc, Cảnh Tung không chịu. Phùng Tử Tài đánh nhau với quân Pháp ở Văn Uyên, đôi bên đều có thương vong.

Ngày 9 tháng 1 năm Quang Tự thứ 11 (1885), quân Pháp đánh Trấn Nam quan, bắn vỡ cửa quan rồi đi, Đề đốc Dương Ngọc Khoa chết trận. Phan Đình Tân lui giữ Hải Thôn, vua sai đời tội lập công. Nguyên Xuân lui giữ Mạc Phủ. Vương Đình Bạng tự phụ là tướng giỏi tỉnh Tương (Hồ Nam), nhưng mấy lần giục giải cứu viện vẫn không tới, Đình Tân tâu hặc nên bị giáng chức, bộ chúng giao cho Nguyên Xuân thống lĩnh. Quân Pháp đánh Lưu Vĩnh Phúc ở Tuyên Quang, quân Vĩnh Phúc tan vỡ. Đường Cảnh Tung lui đóng ở Mục Mã, việc phòng bị hai châu Khâm, Liêm trở thành khẩn cấp. Bành Ngọc Lân xin điều quân Phùng Tử Tài tới phòng bị tỉnh Việt, triều đình sai Đình Tân bàn, Đình Tân vốn không hợp với Tử Tài, bèn sai Tử Tài đi. Tử Tài lấy việc phòng bị ngoài cửa quan khẩn cấp nên không chịu, Ngọc Lân bèn sai chuyên lo việc phòng thủ ở tỉnh Quế. Đình Tân coi quân lâu ngày không có công lao, bèn miễn chức, lấy Lý Bình Hành làm Hộ lý Tuần phủ Quảng Tây, Tô Nguyên Xuân đốc biện quân vụ Quảng Tây. Quân Pháp đã phá hủy Trấn Nam quan, quân lạc ngũ dân chạy nạn chạy xuống đặc kín mặt sông, cả tỉnh Quảng Tây rung động. Tử Tài tới, bèn ra sức thu xếp cho yên ổn.

Tử Tài ở Việt Tây lâu ngày, rất có oai vọng ơn huệ, nhân dân Quế, Việt ngưỡng mộ, lòng người mới định. Bèn trong ải Quan Tiên cách cửa quan mười dặm, giữa hai núi đông tây xây tường dài hơn ba dặm, phía ngoài đào hào, làm kế phòng giữ. Tự suất lĩnh bộ chúng đóng ở đó, mà sai Vương Hiếu Kỳ dẫn quân

đóng phía sau làm thế ý giặc. Quân Pháp phao tin ngày mỗ sẽ tới đánh cửa ải, Tử Tài đoán ngược rằng ắt sẽ tới trước ngày ấy, bèn bàn ra tay trước chế phục địch, Đinh Tân cản trở, Tử Tài ra sức tranh cãi, ngầm suất lĩnh quân Vương Hiếu Kỳ đang đêm đánh vào bảo cửa địch, giết chết rất nhiều. Pháp đem quân ở Lạng Sơn tới Trấn Nam quan, Tử Tài thề với quân sĩ “Pháp lại vào cửa quan, ta còn mặt mũi nào mà nhìn người tỉnh Việt? Ắt phải liều chết chống lại”, quân sĩ đều phần uất. Pháp đánh tường dài, dùng pháo bắn gấp, Tử Tài cùng các thống tướng thẳng lưng tiếp chiến, ai lui là chém. Đánh đến lúc hăng, Tử Tài tự phá vách suất lĩnh hai con là Trương Vinh, Trương Hoa xông vào trận địch, các quân thấy Tử Tài đã 70 tuổi mà đích thân xung trận, đều phần khích tử chiến. Vương Hiếu Kỳ, Trần Gia suất lĩnh bộ tướng là bọn Phan Doanh, Trương Xuân Phát theo sau, quân Vương Đức Bàng kéo tới bên cạnh giáp kích, giết chết quân Pháp vô số. Ấc chiến hai ngày, quân Pháp hết đạn, thua to tháo chạy. Tử Tài suất lĩnh quân đánh Văn Uyên, quân Pháp bỏ thành chạy. Các quân ba đường đánh Lạng Sơn, Hiếu Kỳ và Vương Đức Bàng ra sức, liên tiếp mấy trận đều thắng. Ngày 13 tháng 2 chiếm lại Lạng Sơn, quân Pháp đều tháo chạy. Phùng Tử Tài tiến quân đánh Lạp Mộc, đánh ép vào Lang Giáp, Vương Hiếu Kỳ tiến quân tới Quỷ Môn quan, lấy lại được hết vùng biên giới năm trước. Dân Việt Nam lập ra năm đại đoàn Trung nghĩa hơn hai vạn người, đều dùng cờ xí của quân Phùng. Sài Gòn cũng nghe tiếng liên lạc, từ khi thông hải đến nay, Trung Quốc đánh nhau với nước ngoài chỉ có trận này là thắng lớn, là công của Tử Tài vậy.

Quân Pháp 6.000 người xâm phạm phủ Lâm Thao rồi chia làm hai cánh, một đánh lên Kha Lĩnh, An Bình phía bắc, một đánh xuống Diên Vượng, Mãnh La phía nam. Tổng đốc Vân Nam Sầm Dục Anh sai bọn Sầm Dục Bảo, Lý Ứng Trân chặn cánh phía bắc, Vương Văn Sơn chặn cánh phía nam, đích thân đốc suất trung quân tiến đánh, đều thu toàn thắng. Quân Pháp bèn rút về hợp quân ở phủ Lâm Thao, quân Vân Nam chặn đánh ở hai phía nam bắc vòng lại giáp công, chém năm viên tướng Pháp trên trận, quân Pháp tan vỡ.

Lúc bấy giờ chiến hạm quân Pháp đang chiếm đóng Bành Hồ ở Đài Loan. Sau trận Lạng Sơn, người Pháp ra sức nhờ người Anh Robert Hart⁽⁷²⁾ làm trung gian điều đình với Lý Hồng Chương, nói người Pháp trả lại Cơ Long, Bành Hồ, đôi bên cùng triệt quân, không đòi bồi thường chiến phí. Hồng Chương tâu nói “Bành Hồ đã mất, Đài Loan ắt không giữ được, nên nhân trận thắng ở Lạng Sơn giảng hòa thì người Pháp không đến nỗi lại có đòi hỏi khác”. Triều đình theo lời ấy, lập tức ra lệnh đình chiến. Trận Lâm Thao là xảy ra sau khi có lệnh đình chiến nhưng điện văn truyền lệnh chưa tới. Hồng Chương bèn ký hòa ước, ra lệnh cho các tướng rút về biên giới, tướng sĩ đều nắm tay phần hận, không chịu trở về, Bành Ngọc Lâm, Trương Chi Động nhiều lần gửi điện văn tranh cãi. Vua cho rằng không

thể làm trái Hòa ước Thiên Tân, ban dụ nghiêm khắc bắt phải tuân lệnh. Người Pháp đòi đuổi Lưu Vĩnh Phúc ra khỏi Việt Nam, Trương Chi Động bèn sai Vĩnh Phúc về Ân Châu, Khâm Châu nhưng Vĩnh Phúc kiên quyết không chịu, Đường Cảnh Tùng dùng lời lẽ xảo trá uy hiếp, triều đình ban dụ chỉ nghiêm khắc bắt phải tuân lệnh, mới miễn cưỡng về Quảng Đông, được trao chức Tổng binh. Phùng Từ Tài thì được lệnh đốc suất việc biên phòng ở Liêm Châu, Khâm Châu. Hòa ước đã thành, Việt Nam bèn do nước Pháp bảo hộ.

C T T dịch

CHÚ THÍCH

- (1) Xem thêm Cao Tự Thanh, “Lịch sử Việt Nam qua *Thanh sử cảo*”, Tạp chí *Xưa và Nay*, số Xuân Canh Dàn, 2010.
- (2) Xem thêm *Thanh thực lục (Sử liệu chiến tranh Thanh - Tây Sơn)*, Hồ Bạch Thảo dịch, Nxb Hà Nội, 2007, tr. 124 - 125 và Nguyễn Quốc Khánh, “Phát hiện tấm bia sắc phong vương cho vua Quang Trung”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2008*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, tr. 517- 522.
- (3) *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Lịch triều hiến chương loại chí, Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đều không ghi sự kiện này. *Thanh sử cảo*, Bản kỷ 5, Thế Tổ bản kỷ 2 ghi “Thập lục niên... Bất nguyệt Kỷ Sửu sóc... Bính Thân, An Nam quốc Đô thống Vũ Công Thứ khiển sứ nạp khoản ư Hồng Thừa Trù quân tiền” (Năm thứ 16... Tháng 8 sóc Kỷ Sửu... Ngày Bính Thân, Đô thống Vũ Công Thứ nước An Nam sai sứ nạp cống chỗ quân Hồng Thừa Trù), nhưng người sai sứ việc nạp khoản này rõ ràng không phải là vua Lê.
- (4) Túc Lê Thần Tông, ở ngôi hai lần, lần đầu từ 1619 đến 1643, lần sau từ 1649 đến 1662. Sở dĩ nguyên văn viết như trên vì theo quan điểm chính danh của chính trị và sử học Nho giáo Đông Á thì phải được nhà Thanh thừa nhận mới kể như là vua Việt Nam.
- (5) *Đại Việt sử ký toàn thư* không ghi sự kiện nhà Lê sai sứ qua Thanh năm 1660. Nhưng *Thanh sử cảo*, Bản kỷ 5, Thế Tổ bản kỷ 2 có ghi “Thập thất niên... Cữu nguyệt Quý Sửu sóc... An Nam quốc vương Lê Duy Kỳ phụng biểu lai hàng” (Năm thứ 17... Tháng 9 sóc Quý Sửu... Quốc vương An Nam Lê Duy Kỳ dâng biểu xin hàng).
- (6) Túc Lê Huyền Tông, sử Việt chép tên là Duy Vũ, ở ngôi từ 1663 đến 1671.
- (7) Túc Lê Gia Tông, sử Việt chép tên là Duy Cối (hay Duy Khoái), con Thần Tông Duy Kỳ, em Huyền Tông Duy Vũ chứ không phải là con, ở ngôi từ 1672 đến 1675.
- (8) *Đại Việt sử ký toàn thư* không ghi sự kiện nhà Lê sai sứ qua Thanh năm 1663 nhưng có ghi việc khen thưởng những người đi sứ có công năm 1664. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* ghi sự kiện này là “Bắt đầu sai sứ thần sang nhà Thanh”.
- (9) *Đại Việt sử ký toàn thư* không ghi sự kiện nhà Lê sai sứ qua Thanh nộp lại sắc ấn của nhà Minh năm 1666 nhưng có ghi sự kiện nhà Thanh sai sứ qua Việt Nam sách phong cho Lê Huyền Tông năm 1667, trong tờ sách phong có nhắc lại việc nộp lại sắc ấn nói trên.
- (10) Túc Lê Chiêu Tông, ở ngôi từ 1516 đến 1522.
- (11) Đoạn này có mấy điểm không chính xác, chẳng hạn khi Trần Cảo làm loạn thì người giết Tương Dực Đế Lê Trừu là Trịnh Duy Sản.
- (12) Túc Lê Trang Tông, sử Việt chép tên là Ninh, ở ngôi từ 1533 đến 1548.

- (13) *Đại Việt sử ký toàn thư* không ghi sự kiện nhà Lê sai sứ qua Thanh năm 1668 nhưng có ghi việc nhà Thanh đồng ý cho tiến cống gộp hai lần sáu năm một lượt vào năm 1669. *Lịch triều hiến chương loại chí* có ghi sự kiện “sai Nguyễn Nhuận, Trịnh Thời Tế, Lê Vinh sang cống nhà Thanh và dâng sớ xin theo lệ như đời Vạn Lịch nhà Minh trước, sáu năm một lần dâng cả hai lễ cống. Vua Thanh y cho”, nhưng ghi là năm Khang Hy thứ 5 (1667). Sự chênh lệch về thời gian nói trên do sử hai nước ghi hai thời điểm khác nhau, sử Việt Nam ghi thời điểm sứ bộ xuất phát, sử Trung Quốc ghi thời điểm sứ bộ tới Bắc Kinh. Tương tự, trong nhiều trường hợp sứ bộ nhà Thanh qua Việt Nam, sử Trung Quốc cũng thường ghi trước Việt Nam khoảng một năm chính vì ghi thời điểm sứ bộ xuất phát, còn sử Việt Nam ghi thời điểm sứ bộ tới Thăng Long.
- (14) Đoạn này có mấy điểm không chính xác, chẳng hạn sử Việt chép Lê Gia Tông chết năm 1675. Nhân vật Lê Duy Đĩnh chết năm 1675 ở đoạn sau vì vậy thật ra chính là Lê Gia Tông. Riêng chi tiết Duy Đĩnh báo tang năm Khang Hy thứ 13 (1674) rất vô lý, xem ra có lẽ là triều đình nhà Lê báo tang Lê Gia Tông cho nhà Thanh năm Khang Hy thứ 15 (1676) nhưng “thập ngũ niên” bị lầm thành “thập tam niên” vì tự dạng giữa chữ tam và chữ ngũ.
- (15) Tức Lê Hy Tông, sử Việt chép tên là Duy Cáp, ở ngôi từ 1675 đến 1705.
- (16) Tức Lê Dụ Tông, sử Việt chép tên là Duy Đường, ở ngôi từ 1705 đến 1729. Từ đoạn này trở đi đến hết đời Khang Hy nguyên văn sai lệch hẳn về các đời vua Lê, xem ra có lẽ đã tính lầm mười năm.
- (17) *Lịch triều hiến chương loại chí, Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đều có ghi sự kiện này, tuy nhiên về thời gian và chi tiết đều có chỗ xuất nhập.
- (18) Tức Lê Thuần Tông, sử Việt chép tên là Duy Tường, ở ngôi từ 1732 đến 1735. Ở đoạn này *Thanh sử cảo* đã bỏ sót Vĩnh Khánh Đế Lê Duy Phường, ở ngôi từ 1729 đến 1732, bị phế là Hôn Đức công, không có thụy hiệu nên sử Việt chỉ chép theo niên hiệu là Vĩnh Khánh Đế. Tuy nhiên có lẽ chính quyền Lê Trịnh đã giấu đi sự kiện này, chỉ báo tang Lê Dụ Tông và cầu phong cho Lê Thuần Tông mà thôi, nên đời vua Vĩnh Khánh Đế của nhà Lê không thể hiện trên tư liệu quan phương của nhà Thanh.
- (19) Tức Lê Ý Tông, sử Việt chép tên là Duy Thận hay Duy Chấn, ở ngôi từ 1735 đến 1740.
- (20) Nguyên văn là Khu Lư.
- (21) Đoạn này có mấy điểm không chính xác. Chẳng hạn Lộc Lại Đồng Nai đúng ra phải là Lộc Dã Đồng Nai, tuy nhiên Lộc Dã là tên gọi Việt Hán hóa của Đồng Nai, tức hai địa danh này thật ra chỉ là một. Ngoài ra theo *Đại Nam liệt truyện tiền biên* thì việc bọn Lý Văn Quang làm loạn ở Biên Hòa năm 1747 hoàn toàn là phiêu lưu tự phát, trong thực tế là chống lại chính quyền Đảng Trong chứ không phải câu kết với “thổ hào họ Nguyễn ở Thuận Hóa”.
- (22) Tức Lê Hiến Tông, sử Việt chép tên là Duy Diêu, ở ngôi từ 1740 đến 1786.
- (23) Đoạn này có mấy điểm không chính xác, chẳng hạn mối liên hệ giữa chúa Trịnh và Tây Sơn. Riêng nhân vật “Trịnh Đống tự làm Trịnh Tĩnh vương” trên đây là Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm.
- (24) Tức Lê Chiêu Thống.
- (25) Tức Nguyễn Hữu Chỉnh.
- (26) Tức Võ Văn Nhậm.
- (27) Thức vi: lấy ý trong Thi, Quốc phong, Bội phong, Thức vi, nói việc Lê hầu phải bỏ nước lưu vong qua đất Vệ, đây chỉ việc Lê Chiêu Thống cầu cứu Trung Quốc.

- (28) Nên phải làm yên nước người: nguyên văn là “thị nghi tập ninh nhĩ bang gia”, lấy chữ trong Thư, Chu thư, Khang cáo “Tỷ dư nhất nhân, tập ninh nhĩ bang gia” (Trời để ta một người, làm yên cho nước người), đây ý nói vua Càn Long có trách nhiệm trong việc giúp Việt Nam của Tây Sơn yên ổn.
- (29) Chớ ngại chớ lo: nguyên văn là “vô nhị vô ngu”, lấy chữ trong Thi, Lỗ tụng, Bí cung “Vô nhị vô ngu, Thượng đế lâm nhữ” (Chớ hai ý chớ lo buồn, Thượng đế đã tới giúp người), đây ý nói Quang Trung cử hết lòng tin tưởng vào nhà Thanh.
- (30) Hưởng lạc rong chơi: nguyên văn là “dật dục hữu bang”, lấy chữ trong Thư, Cao Dao mô “Vô giáo dật dục hữu bang, căng căng nghiệp nghiệp, nhất nhật nhị nhật vạn cơ” (Không nên để các chư hầu có nước rong chơi hưởng lạc, phải lo lắng nơm nớp, vì một ngày hai ngày có tới muôn việc).
- (31) Oai sáng: nguyên văn là “minh uy”, lấy chữ trong Thư, Chu thư, Đa sĩ “Ngã Hữu Chu hựu mệnh, tương thiên minh uy, trí vương phạt sắc Ân mệnh” (Nhà Hữu Chu ta chịu mệnh trời giúp, đem oai sáng của trời trị tội nhà Ân), đây chỉ nhà Thanh.
- (32) Nguyễn Quốc Khánh trong bài “Phát hiện tám bia sắc phong vương cho vua Quang Trung”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2008* có công bố một tấm bia khắc bài sách phong này được phát hiện ở xã Thanh Liêm huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nam, sau đoạn “... thỏa tư cư tập” còn có một câu “Phàm thử trần từ dĩ thực, tư trưng hiệu thuận dĩ kiên”, cuối văn bản còn có dòng niên nguyệt nhật “Cao Tông Hoàng đế Kỷ Dậu niên, lục nguyệt nhị thập nhị nhật” (Ngày 22 tháng 6 năm Kỷ Dậu đời Cao Tông Hoàng đế). Mấy chữ “Cao Tông Hoàng đế, Kỷ Dậu niên” không đúng với thể thức các văn bản loại này, riêng từ “Cao Tông” là miếu hiệu của Càn Long, phải xuất hiện sau khi Càn Long chết nên rõ ràng do người khác thêm vào chữ quyết không thể có trong nguyên bản.
- Tuy nhiên *Thanh sử cảo*, Bản kỷ 15, Cao Tông bản kỷ 6 chép “Ngũ thập tứ niên... Lục nguyệt... Bính Tý, Phúc Khang An tấu Nguyễn Huệ tức Nguyễn Quang Bình nhân xá kỳ tiền tội cụ biểu tạ ân tiến cống, tịnh cầu ư minh niên đáo kinh chúc ly. Thượng dĩ kỳ tịnh từ truân thành, sách phong vi An Nam quốc vương, tịnh tứ sắc dụ” (Năm thứ 54... Tháng 6... Ngày Bính Tý, Phúc Khang An tấu nói Nguyễn Huệ tức Nguyễn Quang Bình nhân được tha tội trước soạn biểu tạ ơn tiến cống, lại xin năm sau tới kinh chúc mừng. Vua thấy tình ý lời lẽ tha thiết thành thật, sách phong làm An Nam quốc vương, lại ban cho sắc dụ). Ngày Bính Tý đây tức ngày 22 tháng 6 năm Càn Long thứ 54 (1789), nên mấy chữ “lục nguyệt nhị thập nhị nhật” trong văn bản mà Nguyễn Quốc Khánh giới thiệu là có thể tin cậy. Cho nên nếu muốn phục hồi nguyên bản có thể thay cụm “Cao Tông Hoàng đế, Kỷ Dậu niên” bằng “Càn Long ngũ thập tứ niên” (Năm Càn Long thứ 54).
- (33) Nguyên văn là Nghĩa An, tức nơi có Phượng Hoàng trung đô của chính quyền Quang Trung.
- (34) Nguyên văn là Tây Cống.
- (35) Đoạn này có mấy điểm không chính xác, chẳng hạn về lai lịch của Nguyễn Phước Ánh và quan hệ giữa chính quyền Nguyễn Ánh với chính quyền Xiêm La, hay Nguyễn Ánh chiếm lại được Phú Xuân năm 1801 chứ không phải năm 1799.
- (36) Đoạn này có mấy điểm không chính xác, chẳng hạn vào năm 1802 thì Việt Nam chưa có đơn vị hành chính “tỉnh”, và càng chưa có cái gọi là tỉnh Vĩnh Long.
- (37) Đoạn này có mấy điểm không chính xác, chẳng hạn trấn Hà Tiên đã thuộc về lãnh thổ Việt Nam từ đầu thế kỷ XVIII, hay Nam Kỳ chỉ có sáu tỉnh chứ không phải chín tỉnh.

- (38) Chưa rõ sự kiện này.
- (39) Nguyên văn là Lộ Dịch thập ngũ.
- (40) Chưa rõ sự kiện này.
- (41) Đoạn này có mấy điểm không chính xác. Chi tiết “Nguyễn Quang Bình sai con là Cảnh Duệ qua Pháp cầu viện” thật ra là việc Nguyễn Ánh cho con là Nguyễn Phước Cảnh (năm 1805 được Gia Long truy phong là Anh Duệ hoàng thái tử) theo Pigneaux de Béhaine qua Pháp cầu viện, ngoài ra Trà Lân đây chính là khu vực biển Trà Sơn chỗ cửa Hội An thuộc Quảng Nam, đảo Côn Lôn tức Côn Đảo, là hai nơi khác nhau.
- (42) Chưa rõ sự kiện này.
- (43) Đoạn này có mấy điểm không chính xác, chẳng hạn đã gộp sự kiện quân Pháp bắn phá Đà Nẵng năm 1847 với việc liên quân Pháp - Tây Ban Nha xâm lược Việt Nam năm 1858 làm một.
- (44) Nguyên văn là Nã Phá Luân đệ tam.
- (45) Đoạn này có mấy điểm không chính xác, chẳng hạn sau khi tấn công Đà Nẵng năm 1858, quân Pháp đã kéo vào hạ thành Gia Định, chiếm đóng Sài Gòn năm 1859, sau đó dần dần ép triều Nguyễn phải ký Hòa ước 1862 nhường ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Ngoài ra từ Giao Chỉ đây đúng ra phải là Nam Kỳ.
- (46) Đoạn này có mấy điểm không chính xác, chẳng hạn sự kiện quân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ là vào năm 1867 chứ không phải 1869.
- (47) Nguyên văn là An Nghiệp.
- (48) Nguyên văn là Tân Gia Ba, Tân Lang dự.
- (49) Chưa tra cứu được nguyên danh.
- (50) Nguyên văn là Đột Nê Tư.
- (51) Chưa tra cứu được nguyên danh.
- (52) Nguyên văn là Giản Phổ Trại.
- (53) Đoạn này có mấy điểm không chính xác, chẳng hạn việc quân Pháp chiếm được ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ bằng “vài phát pháo thị uy” là xảy ra từ 1867. Việc ba tỉnh miền Tây “rơi vào tay người Pháp” năm Đồng Trị thứ 13 là việc nhà Nguyễn ký Hòa ước 1874 chính thức cắt ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên làm nhượng địa cho Pháp.
- (54) Hồng Hải thông thuyền: chỉ việc kênh đào Suez nối liền Hồng Hải và Địa Trung Hải được khởi công ngày 25/4/1859 và hoàn thành vào ngày 17/11/1869, có ảnh hưởng to lớn và trực tiếp tới việc giao lưu kinh tế cũng như việc hình thành bản đồ địa chính trị thế giới sau đó.
- (55) Tức Hoàng Hữu Xứng.
- (56) Tức Tôn Thất Bá.
- (57) Đoạn này có mấy điểm không chính xác, chẳng hạn nói Tông thất Nguyễn Bá theo Pháp nên phá hủy thành Hà Nội.
- (58) Nguyên văn là Bảo Hải.
- (59) Nguyên văn là Chi Kiều.
- (60) Nguyên văn là Lý Thành Lợi.
- (61) Chưa tra cứu được nguyên danh.
- (62) Chưa tra cứu được nguyên danh.

- (63) Đúng ra là cháu. Đây là Nguyễn Phước Ưng Chân con Thoại Thái Vương Nguyễn Phước Hồng Y, sử gọi là vua Dục Đức, chỉ ở ngôi vua được ba ngày.
- (64) Tức Tôn Thất Thuyết
- (65) Tức Hoàng thái hậu Từ Dũ.
- (66) Tức Nguyễn Phước Hồng Dật, khi lên ngôi đổi tên là Nguyễn Phước Thăng, là con út của vua Thiệu Trị, sử gọi là vua Hiệp Hòa.
- (67) Tức Hòa ước Quý Mùi, còn gọi là Hòa ước Harmand ký kết ngày 25/8/1883, với điều 1 và điều 27 trong nguyên văn tiếng Pháp như sau:
- “Art. 1. L’An Nam reconnait et accepte le protectorat de la France, avec les conséquences de ce mode de rapports au point de vue du droit diplomatique européen, c’est-à-dire que la France présidera aux relations de toutes les Puissances étrangères, y compris la Chine, avec le Gouvernement An Namite, qui ne pourra communiquer diplomatiquement avec lesdites Puissances que par l’intermédiaire de la France seulement” (Điều 1. Nước An Nam công nhận và chấp nhận sự bảo hộ của nước Pháp, với kết quả của phương thức kết nối này theo quan điểm của luật ngoại giao châu Âu, có nghĩa là nước Pháp sẽ chủ trì quan hệ của tất cả các cường quốc nước ngoài bao gồm cả Trung Quốc với chính phủ An Nam, tức có thể giao tiếp ngoại giao với các cường quốc nói trên chỉ thông qua riêng nước Pháp).
- “Art. 27. Des conférences ultérieures fixeront la quotité à attribuer au Gouvernement An Namite sur le produit des douanes, des taxes télégraphiques, etc., etc., du royaume, des impôts et douanes du Tonkin et des monopoles ou entreprises industrielles qui seront concédées au Tonkin. Les sommes prélevées sur ces recettes ne pourront pas être inférieures à 2 millions de francs. La piastre mexicaine et les monnaies d’argent de la Cochinchine française auront cours forcé dans toute l’étendue du royaume, concurremment avec les monnaies nationales An Namites” (Các hội nghị tiếp theo sẽ sửa số tiền được phân bổ cho chính phủ An Nam về tiền thu thuế hải quan, thuế điện báo vận vận của vương quốc, thuế và hải quan của Bắc Kỳ và các doanh nghiệp độc quyền hoặc doanh nghiệp công nghiệp được thừa nhận tại Bắc Kỳ. Số tiền khấu trừ từ các khoản thu này có thể không dưới hai triệu franc. Đồng đô la Mexico và đồng ngân nguyên của Nam Kỳ thuộc Pháp sẽ phải lưu hành trên toàn vương quốc, kết hợp với các loại tiền tệ quốc gia An Nam).
- (68) Đoạn này có mấy điểm không chính xác. Đây là Nguyễn Phước Ưng Đăng, khi lên ngôi đổi tên là Nguyễn Phước Hạo, con của Kiên Thái Vương Nguyễn Phước Hồng Cai, sử gọi là vua Kiến Phúc.
- (69) Chưa tra cứu được nguyên danh.
- (70) Nguyên văn là Cô Bạt.
- (71) Chưa tra cứu được nguyên danh.
- (72) Nguyên văn là Hách Đức.